

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.WesternSkyCommunityCare.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Western Sky Community Care, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC), các sản phẩm dành cho sức khỏe hành vi và cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.

Bậc 1A- Khoản đồng thanh thấp nhất dành cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1B- Khoản đồng thanh thấp dành cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2 - Khoản đồng thanh trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn.

BẬC 4 - Khoản đồng thanh cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opoid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opoid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Thuốc tránh thai theo danh mục thuốc có sẵn với lượng thuốc đủ dùng lên đến 12 tháng

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders					
Amphetamines					
ADZENYS XR-ODT TBED	0		<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	0	
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	0		<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>dextroamphetamine sulfate SOLN</i>	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 9.375 MG-9.375 MG-9.375 MG</i>	0		<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	DYANAVEL XR CHER	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	DYANAVEL XR SUER	0	
Anorexiants Non-Amphetamine					
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>					
<i>phentermine hcl CAPS</i>					
Anti-Obesity Agents					
CONTRAVE					
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents					
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	0	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	0		<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
QELBREE	0		<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)			<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	0	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA	<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA	METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER TBCR 72 MG	0	
Stimulants - Misc.			<i>methylphenidate PTCH</i>	0	QL(1 ea daily)
ADHANSIA XR CP24	0		<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA	<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
COTEMPLA XR-ODT TBED	0		QUILLICHEW ER CHER	0	
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	0	QL(1 ea daily)	QUILLIVANT XR SRER	0	
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	RELEXXII TBCR 72 MG	0	
JORNAY PM CP24	0		ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
<i>methylphenidate hcl CHEW</i>	0		Allergenic Extracts		
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	0	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	GRASTEK SUBL	3	PA
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	0	AL(At least 6 yrs old)	AMEBICIDES		
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	0		Amebicides		
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SOLOSEC	3	PA
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	0	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)	AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Aminoglycosides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	1B		CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	1B		HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
neomycin sulfate TABS	1B		HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
streptomycin sulfate SOLR	3		HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	1B		HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
tobramycin NEBU	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions					
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors					
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies					
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA			
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Interleukin-1 Blockers					
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA	nabumetone	1B	
Interleukin-6 Receptor Inhibitors					
ACTEMRA SOLN	4	SP	naproxen sodium TABS 550 MG	1B	
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA	naproxen SUSP	1B	PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA	naproxen TABS	1B	
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)					
celecoxib	1B	QL(2 ea daily)	naproxen TBEC 500 MG	1B	QL(3 ea daily)
diclofenac potassium TABS 50 MG	1B		oxaprozin TABS	1B	
diclofenac sodium TB24	1B		piroxicam CAPS	1B	
diclofenac sodium TBEC	1B		sulindac TABS	1B	
diclofenac w/ misoprostol TBEC	1B		tolmetin sodium CAPS	1B	
etodolac CAPS	1B		tolmetin sodium TABS 600 MG	1B	
etodolac TABS	1B		Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
fenoprofen calcium TABS	1B	QL(4 ea daily); ST	OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
flurbiprofen TABS	1B		OTEZLA TBPK	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	1B	RX/OTC	Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
ibuprofen TABS 800 MG	1B		leflunomide	1B	QL(1 ea daily)
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG	1A		Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	1B		ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
indomethacin CPCR	1B		ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG	1B		ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ketorolac tromethamine TABS	1B	QL(0.667 ea daily)	ENBREL SOLR	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
meclofenamate sodium CAPS	1B		ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
mefenamic acid CAPS	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
meloxicam TABS	1A	QL(1 ea daily)	ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations					
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG				1B	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 15 yrs old - Up to 45 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 15 yrs old - Up to 45 yrs old)	<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>METHADONE HCL SOLN IJ</i>	1B	
Opioid Agonists			<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>NUCYNTA ER TB12</i>	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>NUCYNTA TABS</i>	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	3	QL(8 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG</i>	3	QL(4 ea daily); PA			
<i>SUBSYS LIQD 100 MCG</i>	3	QL(3 ea daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>XTAMPZA ER</i>	2	QL(2 ea daily); PA			
Opioid Combinations					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	1B	PA
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
tramadol-acetaminophen	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
BRIXADI SOSY	0	
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	0	QL(3 ea daily)
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	0	QL(2 ea daily)
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	0	QL(3 ea daily)
buprenorphine hcl SOLN	1B	
buprenorphine hcl SUBL	0	QL(3 ea daily)
buprenorphine PTWK	1B	QL(0.143 ea daily); PA
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	1B	QL(0.34 ml daily); PA
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	1B	
nalbuphine hcl	1B	QL(8 ml daily)
pentazocine w/ naloxone hcl	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	0	
ZUBSOLV SUBL	0	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Anabolic Steroids		
oxandrolone	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
danazol CAPS		
METHITEST TABS	3	
testosterone cypionate SOLN IM	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
testosterone enanthate SOLN IM	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
budesonide (intrarectal)	4	QL(3.2 gm daily); PA
hydrocortisone (intrarectal)	1B	
UCERIS (budesonide (intrarectal))	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
hydrocortisone (rectal) EX	1B	
hydrocortisone acetate (rectal)	1B	
Vasodilating Agents		
nitroglycerin (intra-anal)	1B	QL(2 gm daily)
RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
albendazole	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)	<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	0	
<i>ivermectin</i>	1B	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)	<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	0	
<i>praziquantel</i>	1B	PA	<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	0	
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain			<i>meprobamate</i>	0	QL(6 ea daily)
Antianginals-Other			Benzodiazepines		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>ALPRAZOLAM INTENSOL CONC</i>	0	QL(10 ml daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>alprazolam TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
Nitrates			<i>alprazolam TB24</i>	0	
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B		<i>alprazolam TBDP</i>	0	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B		<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	0	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B		<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	0	
NITRO-BID OINT	3		<i>diazepam CONC</i>	0	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>DIAZEPAM SOAJ</i>	0	
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B		<i>diazepam SOLN IJ 5 MG/ML, 10 MG/2ML, 50 MG/10ML</i>	0	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B		<i>diazepam TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B		<i>lorazepam CONC</i>	0	
ANTIANXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety			<i>lorazepam SOLN</i>	0	
Antianxiety Agents - Misc.			<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buspirone hcl</i>	0		<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>droperidol SOLN 2.5 MG/ML</i>	0		<i>LOREEV XR CS24</i>	0	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 25 MG/ML, 50 MG/ML</i>	0		<i>oxazepam CAPS</i>	0	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms			ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A			Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B		<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B		<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>			<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B			Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>			<i>mexiletine hcl</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiarrhythmics Type I-C					
flecainide acetate	1B		SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
propafenone hcl CP12	1B		SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
propafenone hcl TABS	1B		<i>tiotropium bromide monohydrate</i> CAPS	1B	QL(1 ea daily)
Antiarrhythmics Type III					
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML	1B		Leukotriene Modulators		
amiodarone hcl TABS	1B		montelukast sodium CHEW	1B	QL(1 ea daily)
dofetilide	1B		montelukast sodium PACK	1B	QL(1 ea daily)
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions					
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies					
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
FASENRA SOSY	4	QL(0.036 ml daily); PA	zileuton TB12	1B	QL(4 ea daily)
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA	Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA	roflumilast	3	QL(1 ea daily)
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA	Steroid Inhalants		
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA	ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA	ARNUYITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); PA	<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
Anti-Inflammatory Agents			<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)
cromolyn sodium NEBU	1B	QL(8 ml daily)			
Bronchodilators - Anticholinergics					
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)			
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)			
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
QVAR REDIHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Sympathomimetics					
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)	SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
DULERA	2		<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
Xanthines					
<i>aminophylline SOLN</i>	1B		TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>theophylline ELIX</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)	<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline TB12</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline TB24</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners			FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
Coumarin Anticoagulants			<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B		<i>HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors			Thrombin Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)	<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG</i>	1B	
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)	<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1B	
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)	AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>FYCOMPA SUSP</i>	0	
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)	<i>FYCOMPA TABS 4 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents			<i>FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)	<i>FYCOMPA TABS 2 MG</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)	<i>FYCOMPA TABS 6 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP	<i>clobazam SUSP</i>	0	QL(16 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP	<i>clobazam TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)	<i>clonazepam TABS</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
clonazepam TBDP	0		DIACOMIT PACK 250 MG	0	QL(12 ea daily)
diazepam (anticonvulsant) GEL	0	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	ELEPSIA XR TB24	0	
NAYZILAM	0	QL(10 ea per 30 days retail)	EPIDIOLEX	0	
SYMPAZAN FILM	0		EPRONTIA SOLN	0	
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	0	QL(10 ea per 30 days retail)	FANATREX FUSEPAQ SUSP	0	
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	0	QL(10 ea per 30 days retail)	FINTEPLA	0	
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	0	QL(10 ea per 30 days retail)	GABAPENTIN TINYTABS TABS	0	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	0	QL(10 ea per 30 days retail)	gabapentin CAPS	0	
Anticonvulsants - Misc.			gabapentin SOLN	0	QL(60 ml daily)
APTIOM	0	QL(2 ea daily); ST	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG	0	
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	0	QL(20 ml daily)	lacosamide SOLN OR 10 MG/ML	0	QL(40 ml daily)
BRIVIACT SOLN IV 50 MG/5ML	0		lacosamide TABS	0	QL(2 ea daily)
BRIVIACT TABS	0	QL(2 ea daily)	LAMICTAL XR KIT	0	
carbamazepine CHEW	0		lamotrigine CHEW 5 MG	0	QL(100 ea daily)
carbamazepine CP12 300 MG	0	QL(4 ea daily)	lamotrigine CHEW 25 MG	0	QL(20 ea daily)
carbamazepine CP12 200 MG	0	QL(6 ea daily)	lamotrigine KIT 25 MG	0	
carbamazepine CP12 100 MG	0		lamotrigine TABS	0	
carbamazepine SUSP	0		lamotrigine TB24	0	
carbamazepine TABS	0		lamotrigine TBDP	0	QL(1 ea daily)
carbamazepine TB12 200 MG	0	QL(6 ea daily)	levetiracetam in sodium chloride	0	
carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	0	QL(4 ea daily)	levetiracetam SOLN OR 100 MG/ML, 500 MG/5ML	0	QL(30 ml daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	0	QL(12 ea daily)	levetiracetam TABS 1000 MG	0	QL(3 ea daily)
DIACOMIT CAPS 500 MG	0	QL(6 ea daily)	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	0	QL(4 ea daily)
DIACOMIT PACK 500 MG	0	QL(6 ea daily)	levetiracetam TABS 500 MG	0	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OXTELLAR XR TB24	0		<i>fosphenytoin sodium</i>	0	
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	0	
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>phenytoin sodium SOLN</i>	0	
<i>pregabalin SOLN</i>	0	QL(30 ml daily)	<i>phenytoin CHEW</i>	0	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	0		<i>phenytoin SUSP</i>	0	
<i>rufinamide SUSP</i>	0	QL(80 ml daily)	Succinimides		
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	0	QL(8 ea daily)	<i>ethosuximide CAPS</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>ethosuximide SOLN</i>	0	QL(30 ml daily)
SPRITAM TB3D	0		<i>methsuximide</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>topiramate CP24</i>	0		Valproic Acid		
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	0	QL(8 ea daily)	<i>divalproex sodium CSDR</i>	0	
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	0	
<i>topiramate CS24</i>	0		<i>divalproex sodium TBEC</i>	0	
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML</i>	0	
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	0	
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
ZONISADE SUSP	0	QL(30 ml daily)	Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclines)		
<i>zonisamide CAPS</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
ZTALMY	0		<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	0	QL(1.5 ea daily)
Carbamates			<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>felbamate SUSP</i>	0	QL(30 ml daily)	<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	0	QL(9 ea daily)	<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	0	QL(1.5 ea daily)
XCOPRI TABS	0		Antidepressant Combinations		
XCOPRI TBPK	0		AUVELITY	0	QL(2 ea daily)
GABA Modulators			Antidepressants - Misc.		
<i>tiagabine hcl</i>	0		APLENZIN	0	
<i>vigabatrin PACK</i>	0	QL(6 ea daily); SP	<i>bupropion hcl TABS</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>vigabatrin TABS</i>	0	QL(6 ea daily); SP	<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
Hydantoins					
DILANTIN 30 MG	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
bupropion hcl TB12 150 MG	0	QL(3 ea daily)	escitalopram oxalate TABS 10 MG	0	QL(2 ea daily)
bupropion hcl TB12 200 MG	0	QL(2 ea daily)	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	0	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB24 300 MG	0	QL(1 ea daily)	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	0	QL(2 ea daily)
bupropion hcl TB24 150 MG	0	QL(3 ea daily)	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	0	QL(1 ea daily)
bupropion hcl TB24 450 MG	0		fluoxetine hcl CPDR	0	
GABA Receptor Modulator - Neuroactive Steroid			fluoxetine hcl SOLN	0	QL(20 ml daily)
ZULRESSO	0		fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	0	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			fluoxetine hcl TABS 20 MG	0	QL(3 ea daily)
EMSAM	0	QL(1 ea daily)	fluvoxamine maleate CP24	0	
MARPLAN	0	QL(6 ea daily)	fluvoxamine maleate TABS 100 MG	0	QL(3 ea daily)
phenelzine sulfate	0		fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	0	QL(2 ea daily)
tranylcypromine sulfate	0		paroxetine hcl SUSP	0	QL(30 ml daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			paroxetine hcl TABS 40 MG	0	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	0		paroxetine hcl TABS 20 MG	0	QL(3 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	0		paroxetine hcl TABS 10 MG	0	QL(6 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			paroxetine hcl TABS 30 MG	0	QL(2 ea daily)
CITALOPRAM HYDROBROMIDE CAPS	0		paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	0	QL(2 ea daily)
citalopram hydrobromide SOLN	0	QL(20 ml daily)	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	0	QL(1 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 10 MG	0	QL(4 ea daily)	PEXEVA	0	
citalopram hydrobromide TABS 40 MG	0	QL(1 ea daily)	sertraline hcl CONC	0	QL(10 ml daily)
citalopram hydrobromide TABS 20 MG	0	QL(2 ea daily)	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	0	QL(4 ea daily)
escitalopram oxalate SOLN	0	QL(20 ml daily)	sertraline hcl TABS 100 MG	0	QL(2 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 20 MG	0	QL(1 ea daily)	SERTRALINE HYDROCHLORIDE CAPS	0	QL(1 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 5 MG	0	QL(4 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Serotonin Modulators					
<i>nefazodone hcl</i>	0		<i>doxepin hcl CAPS</i>	0	
<i>trazodone hcl TABS</i>	0		<i>doxepin hcl CONC</i>	0	
<i>TRINTELLIX</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>imipramine hcl TABS</i>	0	
<i>VIIBRYD STARTER PACK KIT</i>	0	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)	<i>imipramine pamoate</i>	0	
<i>vilazodone hcl TABS</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	0	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)					
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	0		Antidiabetic Combinations		
<i>FETZIMA TITRATION PACK C4PK</i>	0		<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>FETZIMA CP24</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>VENLAFAXINE BESYLATE ER</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	0	QL(5 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>GLYXAMBI</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG</i>	2	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents			<i>JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	0		<i>JANUMET TABS</i>	2	QL(2 ea daily)
<i>amoxapine</i>	0				
<i>clomipramine hcl</i>	0				
<i>desipramine hcl TABS</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>diazoxide</i>	3	
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA	JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	Incretin Mimetic Agents		
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	OZEMPIC SOPN 4 MG/3ML, 8 MG/3ML	2	QL(0.108 ml daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)	OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML	2	QL(0.108 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily)
Biguanides			Insulin		
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1B	QL(2.5 ea daily)	APIDRA SOLN	3	PA
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.35 ml daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.35 ml daily)
Diabetic Other			INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
			INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
			INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
			INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B		<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2		ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2		Antiperistaltic Agents		
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA	<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA	<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
LEVEMIR SOLN	3	PA	<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2		MOTOFEN	3	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2		ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2		Antidotes - Chelating Agents		
NOVOLIN N SUSP	2		CHEMET	3	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2		<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
NOVOLIN R SOLN IJ	2		<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
Insulin Sensitizing Agents			<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Meglitinide Analogues			Antidotes and Specific Antagonists		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)	VISTOGARD	4	PA
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	Opioid Antagonists		
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	KLOXXADO LIQD	0	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors			<i>naloxone hcl LIQD</i>	0	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)	<i>naloxone hcl SOCT</i>	0	
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)	<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
Sulfonylureas			<i>naloxone hcl SOSY</i>	0	
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>naltrexone hcl</i>	0	
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	VIVITROL	0	
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	ZIMHI SOSY	0	
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)	ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
5-HT3 Receptor Antagonists					
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA	Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B		<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)	<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B		<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B		VARUBI TBPK	3	PA
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)	ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)	Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)	<i>caspofungin acetate</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B		ERAXIS	3	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>micafungin sodium</i>	1B	PA
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B		Antifungals		
Antiemetics - Anticholinergic					
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC	ABELCET	3	
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC	<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B		<i>flucytosine</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous			<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
AKYNZEO	3	PA	<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA	<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>dronabinol CAPS</i>	1B		<i>nystatin TABS</i>	1B	
			<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals					
			CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
			<i>fluconazole SUSR</i>	1B	
			<i>fluconazole TABS</i>	1B	
			<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
			<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
			<i>ketoconazole</i>	1B	
			NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1B				
TOLSURA CAPS	4	PA	<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B				
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies								
Antihistamines - Alkylamines								
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B		<i>promethazine hcl SYRP</i>	1B				
Antihistamines - Ethanolamines								
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B		<i>promethazine hcl TABS</i>	1B				
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B		Antihistamines - Piperidines					
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B				
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B		<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B				
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	0		ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol					
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	0		Antihyperlipidemics - Combinations					
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	0		<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	0		Antihyperlipidemics - Misc.					
Antihistamines - Non-Sedating			<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA			
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	Bile Acid Sequestrants					
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)			
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)			
<i>loratadine CAPS</i>	1B		<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)			
<i>loratadine CHEW</i>	1B		<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			
<i>loratadine SOLN</i>	1B		<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)			
<i>loratadine TABS</i>	1A		<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)			
Antihistamines - Phenothiazines			<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)			
			<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)			
Fibric Acid Derivatives								
			<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)			
			<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>benazepril hcl</i>	1B				
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>captopril 12.5 MG</i>	1B				
HMG CoA Reductase Inhibitors								
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>enalapril maleate TABS</i>	1B				
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B				
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV	<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B				
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV	<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B				
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B				
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors								
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
Nicotinic Acid Derivatives								
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>ramipril CAPS</i>	1B				
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors								
<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	4	QL(0.25 ml daily); PA	<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA	<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>REPATHA SOSY</i>	4	QL(0.0714 ml daily); PA	Agents for Pheochromocytoma					
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure								
ACE Inhibitors								
<i>phenoxybenzamine hcl</i>								
<i>phentolamine mesylate SOLR</i>								
Angiotensin II Receptor Antagonists								
<i>candesartan cilexetil</i>								
<i>EDARBI</i>								
<i>irbesartan</i>								
<i>losartan potassium</i>								
<i>olmesartan medoxomil</i>								
<i>telmisartan</i>								
<i>valsartan TABS</i>								
Antidiuretic Antihypertensives								
<i>clonidine</i>								
<i>clonidine hcl TABS</i>								
<i>doxazosin mesylate</i>								

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
guanfacine hcl	1B		losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	1B	QL(1 ea daily)
methyldopa TABS	0	QL(6 ea daily)	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	1B	
prazosin hcl CAPS	0	QL(4 ea daily)	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	1B	QL(1 ea daily)
terazosin hcl	0		olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	1B	ST
Antihypertensive Combinations			olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	1B	
amlodipine besylate-benazepril hcl	1B		quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	1B	QL(4 ea daily)
amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	1B	ST	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	1B	QL(2 ea daily)
amlodipine besylate-valszartan	1B	QL(1 ea daily)	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	1B	QL(3 ea daily)
amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide	3		telmisartan-amlodipine	1B	QL(1 ea daily)
atenolol & chlorthalidone	1B		telmisartan-hydrochlorothiazide	1B	QL(1 ea daily)
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	1B	QL(1 ea daily)	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	3	QL(1 ea daily)
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	1B		trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	3	
bisoprolol & hydrochlorothiazide	1B	QL(2 ea daily)	valsartan-hydrochlorothiazide	1B	QL(1 ea daily)
candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	1B		Antihypertensives - Misc.		
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG	1B		VECAMYL	3	PA
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG	1B	QL(2 ea daily)	Direct Renin Inhibitors		
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	1B	QL(1 ea daily)	aliskiren fumarate	1B	QL(1 ea daily)
irbesartan-hydrochlorothiazide	1B		Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
lisinopril & hydrochlorothiazide	1B				
losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	1B	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
<i>XIFAXAN</i>	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
<i>ALINIA SUSR</i>	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
<i>CAYSTON</i>	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>SIVEXTRO TABS</i>	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)			
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B		<i>primaquine phosphate TABS</i>	3				
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)								
Antimalarial Combinations								
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA			
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)	<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA			
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS								
Antimyasthenic/Cholinergic Agents								
<i>FIRDAPSE</i>	4	PA	<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA			
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B		<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B				
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B		ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)					
Antimycobacterial Agents								
<i>CAPASTAT SULFATE</i>	3		<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)			
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B		<i>isoniazid SOLN</i>	1B				
<i>isoniazid SYRP</i>	1B		<i>isoniazid TABS</i>	1B				
<i>PASER PACK</i>	3	QL(3 ea daily)	<i>PRIFTIN</i>	3				
<i>pyrazinamide</i>	1B		<i>rifabutin</i>	1B	PA			
<i>rifampin CAPS</i>	1B							

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
rifampin SOLR	1B		decitabine	4	SP; PA			
SIRTURO	3	PA	floxuridine	4	SP; PA			
TRECATOR	3	QL(4 ea daily)	fludarabine phosphate SOLN	4	SP; PA			
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer								
Alkylating Agents								
bendamustine hcl SOLR	4	SP; PA	fluorouracil 500 MG/10ML	4	SP; PA			
busulfan SOLN	4	SP; PA	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	4	SP; PA			
carboplatin SOLN 50 MG/5ML	4	SP; PA	mercaptopurine TABS	1B				
carmustine	4	SP; PA	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	1B				
cisplatin SOLN 100 MG/100ML	4	SP; PA	methotrexate sodium SOLR	1B	SP			
cyclophosphamide CAPS	1B	PA	methotrexate sodium TABS 2.5 MG	1B	SP			
cyclophosphamide SOLR IJ	4		nelarabine	4	SP; PA			
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	pemetrexed disodium SOLR 500 MG	4	SP; PA			
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	pralatrexate 20 MG/ML	4	SP; PA			
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	4	SP; PA	TABLOID	4	SP; PA			
ifosfamide SOLR	4	SP; PA	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA			
LEUKERAN	4	SP; PA	Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors					
melphalan	1B		INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA			
melphalan hcl	1B		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA			
MYLERAN TABS	4	SP; PA	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA			
oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	4	SP; PA	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA			
TEMODAR SOLR	4		LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA			
temozolomide CAPS	4	SP; PA	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA			
thiotepa 15 MG	4	SP; PA	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA			
ZANOSAR	4	SP; PA	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA			
Antimetabolites								
azacitidine SUSR	4	SP; PA						
capecitabine	4	SP; PA						
clofarabine	4	SP; PA						
cytarabine SOLN	4	SP; PA						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
MVASI	4	PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZIRABEV	4	PA	<i>anastrozole</i>	0	QL(1 ea daily)
Antineoplastic - Antibodies			<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ADCETRIS	4	SP; PA	<i>ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG</i>	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	<i>ELIGARD KIT SC 7.5 MG</i>	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
RUXIENCE	1B	PA	<i>EMCYT</i>	4	SP; PA
TRUXIMA	1B	PA	<i>ERLEADA 240 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
YERVOY	4	SP; PA	<i>ERLEADA 60 MG</i>	4	QL(4 ea daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			<i>exemestane</i>	0	QL(1 ea daily); SP
KANJINTI	4	PA	<i>FIRMAGON</i>	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
OGIVRI	4	PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>letrozole</i>	1B	
TUKYSA	4	PA	<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM</i>	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	<i>LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM</i>	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	<i>LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM</i>	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM</i>	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
GILOTrif	4	QL(1 ea daily); PA	<i>LYSODREN</i>	4	SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
TAGRISSO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
TAGRISSO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	<i>NUBEQA</i>	4	QL(4 ea daily); PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors					
DAURISMO	4	PA			
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA			
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0		<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
<i>toremifene citrate</i>	1B		Antineoplastic Combinations		
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA	KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA	KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA	KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA	ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA	ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA	ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Immunomodulators			BALVERSA	4	PA
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA	<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors			BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA	BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors			BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
XPOVIO	4	PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA	BRUKINSA	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Antibiotics			CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	RETEVMO	4	PA
IMBRUICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
IMBRUICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TABRECTA	4	PA
KOSELUGO	4	PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TURALIO	4	AC; PA
MEKTOVI	4	SP; PA	TURALIO	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
			XOSPATA	4	PA
			ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
			ZELBORAF	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA			
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA	HALAVEN	4	SP; PA			
Antineoplastic Enzymes								
ONCASPAR	4	SP; PA	IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA			
Antineoplastics Misc.								
ACTIMMUNE	4	SP; PA	JEVTANA	4	SP; PA			
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA			
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA			
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA			
<i>hydroxyurea</i>	1B		<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA			
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors					
MATULANE	4	SP; PA	HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA			
PHOTOFRIN	4	SP; PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA			
PROLEUKIN	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLN</i>	4				
SYNRIBO	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4				
<i>tretinooin (chemotherapy)</i>	1B		ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease					
UVADEX	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy					
Chemotherapy Adjuncts								
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA	<i>carbidopa</i>	1B				
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents								
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B		Antiparkinson Anticholinergics					
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		<i>benztropine mesylate SOLN</i>	0				
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B		<i>benztropine mesylate TABS</i>	0				
VORAXAZE	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	0				
Mitotic Inhibitors			<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	0				
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA	Antiparkinson COMT Inhibitors					
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA	<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)			
ETOPOPHOS	4	SP; PA	<i>tolcapone</i>	1B				
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA	Antiparkinson Dopaminergics					
			<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B				
			<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B		Antipsychotics - Misc.		
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	CAPLYTA	0	
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B		EQUETRO 100 MG	0	QL(2 ea daily); ST
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B		EQUETRO 300 MG	0	QL(4 ea daily); ST
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B		EQUETRO 200 MG	0	QL(8 ea daily); ST
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B		<i>ilurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B		<i>ilurasidone hcl 80 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B		NUPLAZID CAPS	0	
NEUPRO	2		NUPLAZID TABS 10 MG	0	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	VRAYLAR CAPS	0	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	0		VRAYLAR CPPK	0	
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B		<i>ziprasidone hcl</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST	<i>ziprasidone mesylate</i>	0	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST	Benzisoxazoles		
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			FANAPT	0	QL(2 ea daily)
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	FANAPT TITRATION PACK	0	
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B		INVEGA HAFYERA	0	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B		INVEGA SUSTENNA	0	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			INVEGA TRINZA	0	
Antimanic Agents			<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>lithium</i>	0		<i>paliperidone 6 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
LITHIUM	0		PERSERIS PRSY	0	QL(0.072 ea daily)
<i>lithium carbonate CAPS</i>	0		<i>risperidone microspheres</i>	0	QL(0.072 ea daily)
<i>lithium carbonate TABS</i>	0		<i>risperidone SOLN</i>	0	QL(8 ml daily)
<i>lithium carbonate TBCR</i>	0		<i>risperidone TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
			<i>risperidone TBDP</i>	0	QL(4 ea daily)
Butyrophenones					
			<i>haloperidol decanoate</i>	0	QL(0.036 ml daily)
			<i>haloperidol lactate CONC</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	0		<i>molindone hcl</i>	0	
<i>haloperidol TABS</i>	0		Phenothiazines		
Dibenzapines			<i>chlorpromazine hcl CONC</i>	1A	
<i>ADASUVE</i>	0		<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	0	
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	0	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine decanoate</i>	0	
<i>clozapine TABS</i>	0		<i>fluphenazine hcl CONC</i>	0	
<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	0	
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	0	QL(9 ea daily)	<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	0	
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>fluphenazine hcl TABS</i>	0	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>perphenazine TABS</i>	0	
<i>loxapine succinate</i>	0		<i>prochlorperazine</i>	0	
<i>olanzapine SOLR</i>	0	QL(0.215 ea daily)	<i>prochlorperazine edisylate 10 MG/2ML</i>	0	
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	0	
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>thioridazine hcl</i>	0	
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	0	
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	Quinolinone Derivatives		
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>ABILIFY ASIMTUFII PRSY</i>	0	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply
<i>quetiapine fumarate TABS 150 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>ABILIFY MAINTENA PRSY</i>	0	
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	0	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)	<i>ABILIFY MAINTENA SRER</i>	0	
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>ABILIFY MYCITE</i>	0	PA
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT</i>	0	PA
<i>SECUADO</i>	0		<i>ABILIFY MYCITE STARTER KIT</i>	0	PA
<i>VERSACLOZ SUSP</i>	0		<i>aripiprazole SOLN OR</i>	0	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>ZYPREXA RELPREVV</i>	0		<i>aripiprazole TABS</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dihydroindolones			<i>aripiprazole TBDP 15 MG</i>	0	AL(At least 6 yrs old)
			<i>aripiprazole TBDP 10 MG</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARISTADA	0		<i>etravirine 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
ARISTADA INITIO	0		<i>etravirine 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
REXULTI	0		EVOTAZ	0	QL(1 ea daily)
Thioxanthenes			<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>thiothixene</i>	0		FUZEON SOLR	0	SP; PA
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections			GENVOYA	0	QL(1 ea daily)
Antiretrovirals			INTELENCE 25 MG	0	QL(8 ea daily)
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	0	QL(1 ea daily)	ISENTRESS HD TABS	0	QL(2 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	0	QL(32 ml daily)	ISENTRESS CHEW	0	QL(6 ea daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	ISENTRESS TABS	0	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	0	QL(4 ea daily)	JULUCA	0	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	0	QL(30 ml daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	0	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
CIMDUO	0	QL(1 ea daily); ST	<i>lamivudine-zidovudine</i>	0	QL(2 ea daily)
COMPLERA	0	QL(1 ea daily)	LEXIVA SUSP	0	QL(56 ml daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	0	QL(12.5 ml daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
DELSTRIGO	0	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
DOVATO	0	QL(1 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
EDURANT	0	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	0	QL(40 ml daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>nevirapine TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	0	QL(3 ea daily; 30 Day(s) limit)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	0	QL(1 ea daily)	NORVIR PACK	0	QL(12 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	0	QL(1 ea daily)	NORVIR SOLN	0	QL(15 ml daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	0	QL(1 ea daily)	ODEFSEY	0	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	0	QL(1 ea daily)	PIFELTRO	0	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	0	QL(24 ml daily)	PREZCOBIX	0	QL(1 ea daily)
			PREZISTA SUSP	0	QL(12 ml daily)
			<i>PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
			RETROVIR IV INFUSION SOLN	0	QL(2 ml daily)
			<i>ritonavir TABS</i>	0	QL(12 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	
RUKOBIA	0	PA	PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA	
SELZENTRY SOLN	0	QL(30 ml daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA	
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	0	QL(2 ea daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)	
<i>stavudine CAPS</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)	
STRIBILD	0	QL(1 ea daily)	SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA	
<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	0	QL(1 ea daily)	Herpes Agents			
TIVICAY TABS	0	QL(2 ea daily)	<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)	
TRIUMEQ TABS	0	QL(1 ea daily)	<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)	
TRIZIVIR	0	QL(2 ea daily)	<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)	
TYBOST	0	QL(1 ea daily)	<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	
VIRACEPT TABS 250 MG	0	QL(10 ea daily)	<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
VIRACEPT TABS 625 MG	0	QL(4 ea daily)	<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	
VIREAD POWD	0	QL(7.5 gm daily)	<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	0	QL(1 ea daily)	Influenza Agents			
<i>zidovudine CAPS</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)	
<i>zidovudine SYRP</i>	0	QL(60 ml daily)	<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)	
<i>zidovudine TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)	
CMV Agents			<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	
<i>cidofovir</i>	3		BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood			
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B					
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA				
Hepatitis Agents						
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA				
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA				
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA				
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA				
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP				
MAVYRET PACK	4	QL(6 ea daily); PA				
MAVYRET TABS	4	QL(3 ea daily); PA				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
Pressure								
Alpha-Beta Blockers								
<i>carvedilol</i>	1B		<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B				
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B		<i>timolol maleate TABS</i>	1B				
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure					
Beta Blockers Cardio-Selective								
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B		<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B				
<i>atenolol TABS</i>	1B		<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>betaxolol hcl</i>	1B		<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B				
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B		<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B				
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B				
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B		<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B				
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B		<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B				
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)	<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B				
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)	<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B				
Beta Blockers Non-Selective								
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA	<i>felodipine</i>	1B				
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>isradipine CAPS</i>	1B				
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B				
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B		<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B				
<i>pindolol TABS</i>	1B		<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)			
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B				
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B		<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B		<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B		<i>nifedipine TB24</i>	1B				
			<i>nimodipine CAPS</i>	1B				
			<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	1B	QL(1 ea daily)	ORENITRAM TBCR	4	PA
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	1B		treprostinil SOLN IJ	4	SP; PA
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	1B		TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
verapamil hcl TABS	1B		TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
verapamil hcl TBCR	1B		TYVASO SOLN IN	4	PA
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm					
Cardiac Glycosides					
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	1B		ambrisentan	4	QL(1 ea daily); SP; PA
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	1B		bosentan TABS 125 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	2		bosentan TABS 62.5 MG	4	QL(2 ea daily); PA
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	2		OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions					
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations					
amlodipine besylate- atorvastatin calcium	1B	QL(1 ea daily)	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
isosorbide dinitrate- hydralazine hcl	1B		sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	4	QL(6 ml daily); PA
Impotence Agents					
sildenafil citrate	1B	QL(0.1334 ea daily); PA	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	4	QL(3 ea daily); SP; PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
tadalafil 5 MG	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA	Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
Prostaglandin Vasodilators					
epoprostenol sodium	4	PA	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
			UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA	<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator			<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
ADEMPAS					
	4	QL(3 ea daily); PA	Cephalosporins - 3rd Generation		
Sinus Node Inhibitors					
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA	<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
Transthyretin Stabilizers			<i>cefixime CAPS</i>	1B	
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA	<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA	<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B		<i>ceftazidime IV 6 GM</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B		<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B		Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cephalexin CAPS</i>	1B		<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B		Cephalosporins - 5th Generation		
Cephalosporins - 2nd Generation			<i>TEFLARO</i>	3	
<i>cefaclor CAPS</i>	1B		CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B		Combination Contraceptives - Oral		
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>BALCOLTRA (levonorgestrel-ethynodiol-estradiol-iron)</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV</i>	1B		<i>desogestrel & ethynodiol estradiol</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B		<i>desogestrel-ethynodiol estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1B		<i>desogestrel-ethynodiol estradiol (triphasic)</i>	0	
			<i>drospirenone-ethynodiol estradiol</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>drosipренон-этинил естрадиол-левомекофолат кальций</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>этинодиол диацет & эт естрад</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>левоноргестрел & эт естрадиол TABS</i>	0		<i>norelgestромин-этинил естрадиол</i>	0	
<i>левоноргестрел-эт естрадиол (трифазич)</i>	0		TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)
<i>левоноргестрел-этинил естрадиол (91-день) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0		Combination Contraceptives - Vaginal		
<i>левоноргестрел-этинил естрадиол (континуус)</i>	0		ANNOVERA	0	PA
<i>левоноргестрел-этинил естрадиол-иран</i>	0		<i>етоногестрел-этинил естрадиол</i>	0	QL(0.05 ea daily)
LO LOESTRIN FE TABS	0		Copper Contraceptives - IUD		
NATAZIA	0		PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
NEXTSTELLIS	0		Emergency Contraceptives		
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0		ELLA	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0		<i>левоноргестрел (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		Progestin Contraceptives - Injectable		
<i>norethindrone & eth естрадиол</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethindrone & ethинил естрадиол-fe</i>	0		<i>медрохиропрогестерон акетат (contraцептив) SUSP IM</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth естра</i>	0		<i>медрохиропрогестерон акетат (contraцептив) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)
<i>norethindrone acetate- этинилестрадиол-fe</i>	0		Progestin Contraceptives - IUD		
<i>norethindrone-eth естрадиол (трифазич)</i>	0		KYLEENA	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
<i>norgestimate-этинил естрадиол</i>	0		LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
<i>norgestimate-этинил естрадиол (трифазич)</i>	0		MIRENA	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
<i>norgestrel & ethинил естрадиол 30 MCG-0.3 MG</i>	0		SKYLA	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
Progestin Contraceptives - Oral					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
OPILL	0		<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone TABS</i>	1B	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B		Mineralocorticoids		
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B		<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A		COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
EMFLAZA SUSP	4	PA	Antitussives		
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA	<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B		<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
MEDROL TABS	3		<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B		Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B		<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B		TUZISTRA XR	2	PA
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B		Misc. Respiratory Inhalants		
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B		<i>HYPERSAL NEBU</i>	1B	
			<i>NEBUSAL NEBU</i>	1B	
			<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
			Mucolytics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions					
Acne Products					
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC	<i>DIFFERIN LOTN</i>	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL 0.3 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts					
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits			
Antibiotics - Topical								
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail)	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)			
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)			
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)			
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)			
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail); PA	<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)			
Antifungals - Topical								
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC	<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)			
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)	<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)			
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B		<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)			
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)	OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)			
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)	<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B				
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)	<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill			
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC	<i>tavaborole</i>	1B	PA			
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC	Anti-inflammatory Agents - Topical					
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)	<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B		<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC			
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)	Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical					
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)	<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA			
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)						
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)						
<i>luliconazole</i>	1B	PA						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA	SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail)	<i>tazarotene CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
Antipruritics - Topical			TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA	TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA
Antipsoriatics			Antiseborrheic Products		
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Antivirals - Topical		
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	Burn Products		
<i>COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ</i>	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>COSENTYX UNOREADY SOAJ</i>	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
<i>COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.18 ml daily); PA	SULFAMYLON CREA	3	
<i>COSENTYX SOSY 150 MG/ML</i>	4	QL(0.072 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical		
<i>COSENTYX SOSY 150 MG/ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>SKYRIZI PEN SOAJ</i>	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>amcinonide CREA</i>	1B	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)
<i>SKYRIZI PSKT</i>	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide LOTN</i>	3	
			<i>amcinonide OINT</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>CORDRAN TAPE</i>	3	30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt day(s); 1 mail pack lmt per fill
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST	<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST	<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
			<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
			<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
			<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
			<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA	<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	Emollients		
<i>HALOG OINT</i>	3	PA	<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC	<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B		Enzymes - Topical		
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC	<i>SANTYL OINT</i>	3	PA
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	Immunomodulating Agents - Topical		
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B		<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B		<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	Keratolytic/Antimitotic Agents		
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)	Local Anesthetics - Topical		
<i>prednicarbate OINT</i>	1B		<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)	<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)	<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)	<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
			<i>SYNERA PTCH</i>	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical								
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B				
Rosacea Agents								
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B				
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA	KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	KETONE STRP	1B				
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)	KETOSTIX STRP	1B				
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B				
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B		PRECISION XTRA	1B				
Scabicides & Pediculicides								
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA	PTS PANELS KETONE TEST	1B				
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B				
<i>malathion</i>	1B		RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
<i>permethrin CREA</i>	1B		TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B		TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
<i>spinosad</i>	1B	PA	DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes					
Wound Care Products								
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)	Digestive Enzymes					
DIAGNOSTIC PRODUCTS								
Diagnostic Drugs								
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)	CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization			
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA						
Diagnostic Tests								
CHEMSTRIP-K STRP	1B							
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B							

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits		
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B			
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2		<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B			
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	Loop Diuretics				
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure							
Carbonic Anhydrase Inhibitors							
<i>acetazolamide sodium</i>	1B		<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B			
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>bumetanide TABS</i>	1B			
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B			
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>furosemide TABS</i>	1B			
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA	<i>torsemide TABS</i>	1B			
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)	Potassium Sparing Diuretics				
Diuretic Combinations							
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>amiloride hcl TABS</i>	1B			
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>spironolactone TABS</i>	1B			
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones							
Bone Density Regulators							
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	Growth Hormone Receptor Antagonists		
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA	Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA	EGRIFTA 2 MG	4	PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)	EGRIFTA SV	4	PA
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA	Growth Hormones		
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA	HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA	ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	Hormone Receptor Modulators		
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA	OSPHENA	3	PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA	<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
TYMLOS	4	PA	Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
XGEVA SOLN	4	SP; PA	INCRELEX	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA	LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA	FENSOLVI SC	4	SP; PA
Corticotropin			LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
ACTHAR	3	PA	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
Fertility Regulators			LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA	SYNAREL	4	SP; PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA	Metabolic Modifiers		
GnRH/LHRH Antagonists			ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA	<i>betaine</i>	4	SP; PA
ORILISSA	2	PA	<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
			<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
			<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B		<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B		<i>octreotide acetate SOSY</i>	4	SP	
ELAPRASE	4	SP; PA	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA	
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA	SIGNIFOR	4	PA	
LUMIZYME	4	SP; PA	Vasopressin Receptor Antagonists			
MYALEPT	4	PA	<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	
NAGLAZYME	4	SP; PA	ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs			
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA	Estrogen Combinations			
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B		CLIMARA PRO	3		
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B		DUAVEE	3	PA	
PHEBURANE PLLT	4	PA	<i>norethindrone acetate-ethynodiol estradiol</i>	1B		
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA	PREMPHASE	2		
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA	PREMPRO	2	QL(1 ea daily)	
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA	Estrogens			
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA	DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B		
Posterior Pituitary Hormones			DEPO-ESTRADIOL	3		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B		ELESTRIN GEL	3		
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B		<i>estradiol valerate</i>	1B		
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA	<i>estradiol GEL</i>	1B		
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA	<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)	
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>estradiol PTWK</i>	1B		
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>estradiol TABS</i>	1B		
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA	ESTROGEL GEL	3		
Progesterone Receptor Antagonists			EVAMIST SOLN	3		
<i>mifepristone</i>	1B	QL(1 ea daily)	MENEST	3		
Prolactin Inhibitors			MENOSTAR PTWK	3		
<i>cabergoline</i>	1B		PREMARIN SOLR	2		
Somatostatic Agents			PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)	
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits			
Fluoroquinolones								
BAXDELA SOLR	3	PA	<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)			
BAXDELA TABS	3	PA	<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)			
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B		Inflammatory Bowel Agents					
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3		<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)			
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	DIPENTUM	2				
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply	INFLECTRA SOLR	4	PA			
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B		<i>mesalamine CP24</i>	1B				
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B		<i>mesalamine CPDR</i>	1B				
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A		<i>mesalamine ENEM</i>	3				
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B		<i>mesalamine SUPP</i>	3				
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B		<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)			
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B		<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3				
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B		RENFLEXIS	4	PA			
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. -								
Miscellaneous Gastrointestinal Drugs								
Bile Acid Synthesis Disorder Agents								
CHOLBAM	4	SP; PA	<i>SKYRIZI SOCT</i>	4	QL(0.043 ml daily); PA			
Gallstone Solubilizing Agents			<i>STELARA 130 MG/26ML</i>	4	QL(3.47 ml daily); PA			
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>sulfasalazine TABS</i>	1B				
<i>ursodiol TABS</i>	1B		<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B				
Gastrointestinal Chloride Channel Activators			Intestinal Acidifiers					
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B				
Gastrointestinal Stimulants			Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents					
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B		<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)			
			LINZESS	2	QL(1 ea daily)			
Peripheral Opioid Receptor Antagonists								
			<i>alvimopan</i>	1B				
			<i>MOVANTIK</i>	3	QL(1 ea daily); PA			
Phosphate Binder Agents								
			<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B		<i>silodosin</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2		<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B		Urinary Analgesics		
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B		<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
GENERAL ANESTHETICS			Urinary Stone Agents		
Anesthetics - Misc.			THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
KETAMINE HYDROCHLORIDE TROC	0		THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS -			<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System			<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
Alkalizers			GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1B		Gout Agent Combinations		
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC	<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Cystinosis Agents			Gout Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA	<i>allopurinol</i>	1B	
Genitourinary Irrigants			<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B		<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B		Uricosurics		
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B		<i>probenecid</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B		HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B		Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
Interstitial Cystitis Agents			<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)	<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Prostatic Hypertrophy Agents			Complement Inhibitors		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	HAEGARDA SOLR SC	4	PA
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)	Hematorheologic Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Plasma Kallikrein Inhibitors					
ORLADEYO	4	PA	ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA	ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
TAKHZYRO SOSY	4	PA	ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
Platelet Aggregation Inhibitors					
<i>anagrelide hcl</i>	1B		DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)	LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
CABLIVI	4	PA	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B		MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B		PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
<i>dipyridamole</i>	1B		RETACRIT	4	PA
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)	RETACRIT	4	PA
ZONTIVITY	3	PA	UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders					
Agents for Gaucher Disease					
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA	UDENYCA SOAJ	4	PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA	UDENYCA SOSY	4	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA	ZARXIO	4	PA
Agents for Sickle Cell Disease					
DROXIA CAPS	3		ZIEXTENZO	4	PA
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA	Hematopoietic Mixtures		
Cobalamins					
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)	<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Folic Acid/Folates			Iron		
<i>folic acid TABS</i>	0				
Hematopoietic Growth Factors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	0	AL(Up to 1 yrs old)	zaleplon 5 MG	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	0		zolpidem tartrate SUBL	0				
ferrous sulfate TBEC 325 MG	0		zolpidem tartrate TABS	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			
Stem Cell Mobilizers								
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA	zolpidem tartrate TBCR	0	QL(1 ea daily)			
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA	ZOLPIMIST SOLN	0				
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders								
Hemostatics - Systemic								
aminocaproic acid TABS	1B	PA	BELSOMRA	0				
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	1B		DAYVIGO	0				
tranexamic acid TABS	1B		Selective Melatonin Receptor Agonists					
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS								
Barbiturate Hypnotics								
phenobarbital ELIX	0		ramelteon	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)			
phenobarbital TABS	0		LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs					
Hypnotics - Tricyclic Agents			Bulk Laxatives					
doxepin hcl (sleep)	0	QL(1 ea daily)	calcium polycarbophil TABS	1B				
Non-Barbiturate Hypnotics			Laxative Combinations					
EDLUAR SUBL	0		peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	1B				
estazolam	0		peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	0				
eszopiclone	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	1B	PA			
flurazepam hcl	0		sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate	1B				
quazepam	0		Laxatives - Miscellaneous					
temazepam	0	QL(1 ea daily)	lactulose SOLN	1B				
triazolam	0		Saline Laxatives					
zaleplon 10 MG	0	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	OSMOPREP	3	PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
bisacodyl SUPP	1A		erythromycin ethylsuccinate TABS	3				
bisacodyl TBEC	1A		Fidaxomicin					
Surfactant Laxatives								
docusate calcium	1A	QL(1 ea daily)	DIFICID TABS	2				
docusate sodium CAPS 100 MG	1A	QL(4 ea daily)	MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES					
docusate sodium CAPS 250 MG	1A		Contraceptives					
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing								
Local Anesthetics - Amides								
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	1B		AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections								
Azithromycin								
azithromycin PACK	1B		CAYA DPRH	0				
azithromycin SOLR	1B		DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)			
azithromycin SUSR	1B		FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)			
azithromycin TABS 600 MG	1B	QL(0.286 ea daily)	FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
azithromycin TABS 500 MG	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)	FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)			
azithromycin TABS 250 MG	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)	FEMCAP DEVI	0				
Clarithromycin			KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
clarithromycin SUSR	1B		KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)			
clarithromycin TABS	1B		KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
clarithromycin TB24	1B		KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)			
Erythromycins			KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
erythromycin base CPEP	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
erythromycin base TABS	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
erythromycin base TBEC	1B		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
erythromycin ethylsuccinate SUSR	1B							

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Migraine Combinations		
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Migraine Products		
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.27 ml daily); PA
SELECT LANCETS	1B	6.66/day	ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B		Serotonin Agonists		
Parenteral Therapy Supplies			<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B	
<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-148</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>electrolyte-a</i>	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>lactated ringer's</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-M/D5W	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES					
Bicarbonates					
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		potassium chloride in dextrose 5 %	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	1B		potassium chloride in dextrose 5 %	1B	
Calcium					
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B		Chelating Agents		
ringer's	1B		<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA
Fluoride			<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Magnesium			Immunomodulators		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B		<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
Phosphate			<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B		THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Potassium			Immunosuppressive Agents		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		ATGAM	4	SP; PA
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		AZATHIOPRINE	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1B		ENSPRYNG	4	PA
Sodium			<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	

MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES

Ambetter New Mexico Formulary

Updated April 1, 2024

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits		
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA	<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B			
Irrigation Solutions					MULTIVITAMINS		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B		Ped MV w/ Fluoride				
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B		<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC		
<i>ringer's irrigation</i>	1B		Prenatal Vitamins				
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B		CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)		
Potassium Removing Agents					CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA	EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)		
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B		GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)		
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B		KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)		
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS					MASONATAL TABS		
Anesthetics Topical Oral					M-NATAL PLUS TABS		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B		MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC		
Anti-infectives - Throat			NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC		
<i>clotrimazole</i>	1B		NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)		
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B		NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)		
Antiseptics - Mouth/Throat			NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B		ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC		
DEBACTEROL	2						
Dental Products							
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC					
Steroids - Mouth/Throat/Dental							
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B						
Throat Products - Misc.							
<i>cevimeline hcl</i>	1B						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms			
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	Central Muscle Relaxants			
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B		
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>carisoprodol TABS</i>	1B		
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	
PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)	<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)	
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B		
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)	
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B		
PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B		
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	Direct Muscle Relaxants			
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)	NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus			
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	Nasal Antiallergy			
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC	
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC	<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC	Cycloplegic Mydriatics		
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B		<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
XHANCE EXHU	3	PA	<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles					
ALS Agents					
<i>riluzole TABS</i>	3		<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
Nondepolarizing Muscle Relaxants			<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA	<i>IOPIDINE</i>	3	
NUTRIENTS					
Proteins			Ophthalmic Anti-infectives		
<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%</i>	3		<i>AZASITE</i>	3	QL(2.5 ml per 30 days retail)
<i>CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%</i>	3		<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%</i>	3		<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye			<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
Beta-blockers - Ophthalmic			<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		<i>KLARITY-A</i>	3	QL(2.5 ml per 30 days retail)
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		<i>NATACYN</i>	2	
			<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
			<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
			<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
			<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>trifluridine</i>	1B		ALOMIDE	3	PA			
ZIRGAN GEL	2		<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B				
Ophthalmic Immunomodulators								
<i>cyclosporine (ophth)</i> EMUL	3	PA	<i>bepotastine besilate</i>	3	PA			
Ophthalmic Local Anesthetics								
<i>proparacaine hcl</i>	1B		<i>brinzolamide</i>	1B				
Ophthalmic Steroids								
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA	<i>bromfenac sodium (ophth)</i> 0.09 %	1B				
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B				
<i>difluprednate</i>	1B	PA	CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA			
<i>fluorometholone (ophth)</i> SUSP	1B		<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B				
FML FORTE SUSP	3	PA	<i>dorzolamide hcl</i>	1B				
FML OINT	3	PA	<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B				
LOTEMAX OINT	3	PA	<i>flurbiprofen sodium</i>	1B				
<i>loteprednol etabonate</i> GEL	1B	PA	<i>ketorolac tromethamine</i> (ophth)	1B				
<i>loteprednol etabonate</i> SUSP	1B	PA	<i>ketotifen fumarate (ophth)</i> 0.035 %	1B				
MAXIDEX SUSP OP	3	PA	LASTACAFT	3	PA			
<i>neomycin-polymyxin-dexameth</i> OINT	1B		NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST			
<i>neomycin-polymyxin-dexameth</i> SUSP	1B		<i>olopatadine hcl</i> 0.2 %	1B	RX/OTC			
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)	<i>olopatadine hcl</i> 0.1 %	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC			
Prostaglandins - Ophthalmic								
<i>bimatoprost SOLN</i>	3							
<i>latanoprost SOLN</i>	1B							
<i>tafluprost</i>	1B							
<i>travoprost SOLN</i>	1B							
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear								
Otic Agents - Miscellaneous								
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)						
Otic Anti-infectives								
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B							
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B							
Otic Combinations								
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA						

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	1B	QL(0.5 ea daily); PA	<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
CORTISPORIN-TC	3		<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	1B	QL(2 ml daily)	<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	1B		<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
Otic Steroids			<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B		<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B		<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System			Natural Penicillins		
Immune Serums			<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA	<i>PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML</i>	1B	
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA	<i>PENICILLIN G PROCAINE</i>	3	
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA	<i>penicillin g sodium</i>	3	
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA	<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA	<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA	Penicillin Combinations		
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA	<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA	<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
Passive Immunizing Agents - Combinations			<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
HYQVIA	4	PA	<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections			<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1B	
Aminopenicillins			<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits			
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>memantine hcl TABS</i>	1B				
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B		<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B				
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs								
Progrestins								
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B		<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	0				
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A		<i>LYBALVI</i>	0	QL(1 ea daily); PA			
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA	<i>olanzapine-fluoxetine hcl</i>	0				
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0		<i>perphenazine-amitriptyline</i>	0	QL(4 ea daily)			
<i>progesterone CAPS</i>	1B		Fibromyalgia Agents					
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions								
Agents for Chemical Dependency								
<i>acamprosate calcium</i>	0		<i>SAVELLA TITRATION PACK MISC</i>	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA			
<i>disulfiram</i>	0		<i>SAVELLA TABS</i>	2	QL(2 ea daily); PA			
<i>LUCEMYRA</i>	0	QL(224 ea per 14 days retail)	Movement Disorder Drug Therapy					
Antidementia Agents								
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK</i>	0	PA			
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>AUSTEDO TABS</i>	0	QL(4 ea daily); PA			
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>INGREZZA CAPS</i>	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(1 ea daily); PA			
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>INGREZZA CPPK</i>	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA			
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA			
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)	Multiple Sclerosis Agents					
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>AVONEX PEN AJKT</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA			
			<i>AVONEX PSKT</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA			
			<i>BETASERON KIT</i>	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA			
			<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA			
			<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	4	QL(2 ea daily)			
			<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)			
			<i>fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML	3	QL(0.43 ml daily)	Smoking Deterrents		
glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML	3	QL(1 ml daily)	bupropion hcl (smoking deterrent)	0	QL(2 ea daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA	nicotine polacrilex GUM	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA	nicotine polacrilex LOZG	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA	nicotine MISC XX	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY SOSY IM	4	QL(0.036 ml daily); PA	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	0	QL(1 ea daily)
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA	NICOTROL INHALER INHA	0	
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	NICOTROL NS SOLN	0	
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA	varenicline tartrate TABS	0	QL(2 ea daily)
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	varenicline tartrate TBPK	0	
teriflunomide	4	QL(1 ea daily)	Transthyretin Amyloidosis Agents		
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents			TEGSEDI	4	PA
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	3	QL(1 ea daily); PA	RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
pregabalin (once-daily) 330 MG	3	QL(2 ea daily); PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
Premenstrual Dysphoric Disorder (PMDD) Agents			PROLASTIN-C SOLN	4	PA
fluoxetine hcl (pmdd) TABS	0		PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			Cystic Fibrosis Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA	KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.			ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ergoloid mesylates TABS	1B		ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
pimozide	0		PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
			TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents			OFEV	4	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits		
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA	<i>propylthiouracil</i>	1B			
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections					Thyroid Hormones		
Sulfonamides					<i>ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG</i>		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B		<i>ARMOUR THYROID TABS</i>	2	QL(1 ea daily)		
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections					<i>levothyroxine sodium TABS</i>		
Fluorocyclines					<i>liothyronine sodium SOLN</i>		
<i>XERAVA</i>	4	PA	<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B			
Glycylcyclines			<i>NP THYROID 120 TABS</i>	0			
<i>tigecycline</i>	1B		<i>NP THYROID 15 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)		
Tetracyclines			<i>NP THYROID 30 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B		<i>NP THYROID 60 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B		<i>NP THYROID 90 TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)		
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)</i>	2			
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TOXOIDS				
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1B		Toxoid Combinations				
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>ADACEL SUSP</i>	0			
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B		<i>BOOSTRIX SUSP</i>	0			
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>BOOSTRIX SUSY</i>	0			
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>DAPTACEL</i>	0			
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP</i>	0			
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)	<i>INFANRIX</i>	0			
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones			<i>KINRIX SUSY</i>	0			
Antithyroid Agents			<i>PEDIARIX SUSY</i>	0			
<i>methimazole TABS</i>	1B		<i>PENTACEL</i>	0			
			<i>QUADRACEL SUSP</i>	0			
			<i>QUADRACEL SUSY</i>	0			
			<i>TDVAX SUSP</i>	0			
			<i>TENIVAC INJ</i>	0			
			<i>TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP</i>	0			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions					
Antispasmodics					
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B		<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B		<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B		<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B		<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
H-2 Antagonists					
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC	<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B		Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A		<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)	Ulcer Therapy Combinations		
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B		<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>nizatidine CAPS</i>	1B		<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B		Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
Misc. Anti-Ulcer					
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)	<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)			
Proton Pump Inhibitors					
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
fesoterodine fumarate	1B	QL(1 ea daily); PA	Viral Vaccines		
oxybutynin chloride SOLN	1B		ABRYSVO	0	
oxybutynin chloride TABS 5 MG	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
oxybutynin chloride TB24	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
solifenacina succinate TABS	1B	QL(1 ea daily); PA	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
tolterodine tartrate CP24	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
tolterodine tartrate TABS	1B		AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
trospium chloride CP24	1B	QL(1 ea daily)	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
trospium chloride TABS	1B	QL(3 ea daily)	AREXVY	0	
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists			COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
bethanechol chloride 25 MG	1B		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	1B	QL(4 ea daily)	COMIRNATY SUSP	0	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants			ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
flavoxate hcl	1B		ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill
VACCINES					
Bacterial Vaccines					
ACTHIB SOLR IM	0				
BEXSERO	0				
HIBERIX SOLR IJ	0				
MENACTRA	0				
MENQUADFI	0				
MENVEO SOLR	0				
PEDVAX HIB SUSP	0				
PNEUMOVAX 23	0				
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0				
PREVNAR 13	0				
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply			
TRUMENBA	0				
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE,BIVALENT ORIGINAL ANDOMICRON	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	NOVAVAX COVID-19 VACCINE	0	
HAVRIX	0		NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0		INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0		Spermicides		
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0		TODAY SPONGE MISC	0	
PREHEVBRIOTM	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	Vaginal Anti-infectives		
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSP	0		<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
RECOMBIVAX HB SUSY	0		GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail)
ROTARIX SUSP	0		<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
ROTARIX SUSR	0		<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
ROTAQUE SOLN	0		<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
SANOFI COVID-19 VACCINE/ANTIGEN COMPONENT	0		<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)	Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0		PHEXXI	0	PV
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0		Vaginal Estrogens		
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0		<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
TWINRIX SUSY	0		<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
VAQTA	0		FEMRING	3	PA
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply	PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS					
Miscellaneous Vaginal Products					
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions					
Anaphylaxis Therapy Agents					
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>					
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>					
Vasopressors					
<i>midodrine hcl</i>					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	31	acetylcysteine SOLN	38	2022 SUSY	65
abacavir sulfate TABS	31	acitretin 10 MG, 17.5 MG	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65
abacavir sulfate-lamivudine	31	acitretin 25 MG	40	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
ABELCET	18	ACTEMRA SOLN	4	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65
ABILIFY ASIMTUFII PRSY	30	ACTHAR	45	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
ABILIFY MAINTENA PRSY	30	ACTHIB SOLR IM	65	AIMOVIG	53
ABILIFY MAINTENA SRER	30	ACTIMMUNE	28	AIMSCO LUBRICATED MISC	51
ABILIFY MYCITE	30	acyclovir CAPS	32	AKYNZEO	18
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT	30	acyclovir SUSP	32	albendazole	7
ABILIFY MYCITE STARTER KIT	30	acyclovir TABS OR	32	albuterol sulfate AERS	10
abiraterone acetate 250 MG	25	acyclovir topical CREA	40	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	10
abiraterone acetate 500 MG	25	acyclovir topical OINT	40	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	10
ABRYSVO	65	ADACEL SUSP	63	albuterol sulfate SYRP	10
acamprosate calcium	61	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate TABS	10
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate CREA 40	
acebutolol hcl CAPS	33	adapalene CREA	38	alclometasone dipropionate OINT .40	
acetaminophen w/ codeine SOLN	6	adapalene GEL 0.1 %	38	ALDURAZYME	45
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene GEL 0.3 %	38	ALECensa	26
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	38	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	44
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADASUVE	30	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	45
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADCETRIS	25	alfuzosin hcl	48
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adefovir dipivoxil	32	ALINIA SUSR	22
acetazolamide CP12	44	ADEMPAS	35	aliskiren fumarate	21
acetazolamide sodium	44	ADHANSIA XR CP24	2	allopurinol	48
acetazolamide TABS 125 MG	44	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	63	almotriptan malate 12.5 MG	53
acetazolamide TABS 250 MG	44	ADZENYS XR-ODT TBED	1		
acetic acid (otic)	59	AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65		
acetic acid 0.25 %	48	AFLURIA QUADRIVALENT 2021-			

almotriptan malate 6.25 MG	53	amiloride hcl TABS	44	amphetamine sulfate TABS	1
ALOCRIL	59	aminocaproic acid TABS	50	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1
alogliptin benzoate	16	aminophylline SOLN	10		
alogliptin-metformin hcl	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	9		
alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	15	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 9.375 MG-9.375 MG-9.375 MG	1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15	amitriptyline hcl TABS	15		
ALOMIDE	59	amlodipine besylate TABS	33		
alosetron hcl	47	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	34		
ALPRAZOLAM INTENSOL CONC ..	8	amlodipine besylate-benazepril hcl ..	21	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
alprazolam TABS	8	amlodipine besylate-olmesartan	21		
alprazolam TB24	8	medoxomil	21		
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-valsartan	21	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG	1
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	59	amoxapine	15		
ALTABAX	39	amoxicillin & pot clavulanate CHEW ..	60		
ALUNBRIG TABS	26	amoxicillin & pot clavulanate SUSR ..	60	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALUNBRIG TBPK	26	amoxicillin & pot clavulanate TABS	60		
ALVESCO	9	alvimopan	60		
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin & pot clavulanate TB12 ..	60	amphotericin b IV	18
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin CAPS	60	amphotericin b liposome	18
amantadine hcl TABS	29	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG ..	60	ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	60
ambrisentan	34	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ..	60	ampicillin CAPS 500 MG	60
amcinonide CREA	40	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	60	ampicillin sodium IJ 1 GM	60
amcinonide LOTN	40	amoxicillin TABS	60	anagrelide hcl	49
amcinonide OINT	40	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	64	anastrozole	25
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
amiloride & hydrochlorothiazide ..	44			ANNOVERA	36

ANORO ELLIPTA	10	ARMOUR THYROID TABS	63	KIT TBPK	61
ANZEMET TABS 50 MG	18	ARNUITY ELLIPTA	9	AUSTEDO TABS	61
APIDRA SOLN	16	arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AUVELITY	13
APIDRA SOLOSTAR SOPN	16	ARZERRA	25	AVONEX PEN AJKT	61
APLENZIN	13	asenapine maleate 2.5 MG	30	AVONEX PSKT	61
apomorphine hydrochloride SOCT	29	asenapine maleate 5 MG, 10 MG .	30	AYVAKIT	26
apraclonidine hcl	58	aspirin CHEW	5	azacitidine SUSR	24
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	18	aspirin TABS 325 MG	5	AZASITE	58
aprepitant CAPS 80 MG	18	aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE	55
aprepitant CAPS	18	aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	55
aprepitant MISC	18	aspirin-dipyridamole	49	azelaic acid GEL	43
APTIOM	12	atazanavir sulfate CAPS 150 MG,		azelastine hcl (ophth)	59
APТИВUS CAPS	31	300 MG	31	azelastine hcl	57
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN		atazanavir sulfate CAPS 200 MG .	31	AZELEX	38
25 MCG/ML	49	atenolol & chlorthalidone	21	azithromycin PACK	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN		atenolol TABS	33	azithromycin SOLR	51
40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100		ATGAM	55	azithromycin SUSR	51
MCG/ML	49	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25		azithromycin TABS 250 MG	51
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY		MG, 40 MG	1	azithromycin TABS 500 MG	51
150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML,		atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100		azithromycin TABS 600 MG	51
300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML .	49	MG	2	aztreonam 1 GM	22
ARCALYST	4	atorvastatin calcium TABS	20	bacitracin (ophthalmic)	58
AREXVY	65	atovaquone	22	bacitracin	22
arformoterol tartrate	10	atovaquone-proguanil hcl	23	baclofen TABS 10 MG, 20 MG .	57
ARIKAYCE	2	atracurium besylate 100 MG/10ML		BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl	
ariPIPrazole SOLN OR	30	58		estradiol-iron)	35
ariPIPrazole TABS	30	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML,		balsalazide disodium CAPS	47
ariPIPrazole TBDP 10 MG	30	1 MG/ML	64	BALVERSA	26
ariPIPrazole TBDP 15 MG	30	atropine sulfate SOSY IJ 0.25		BARACLUDE SOLN	32
ARISTADA	31	MG/5ML	64	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
ARISTADA INITIO	31	ATROVENT HFA	9		
armodafinil	2	AUSTEDO PATIENT TITRATION			

BAXDELA SOLR	47	augmented CREA	41	bosentan TABS 62.5 MG	34
BAXDELA TABS	47	betamethasone dipropionate augmented LOTN	41	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	26
BELSOMRA	50	betamethasone dipropionate augmented OINT	41	BOSULIF TABS 400 MG	26
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ..	21	betamethasone valerate CREA ..	41	BRAFTOVI 75 MG	26
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	21	betamethasone valerate FOAM ..	41	BREO ELLIPTA	10
benazepril hcl	20	betamethasone valerate LOTN ..	41	BREZTRI AEROSPHERE	10
bendamustine hcl SOLR	24	betamethasone valerate OINT ..	41	BRILINTA	49
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 38		BETASERON KIT	61	brimonidine tartrate (topical) ..	43
benzonatate 100 MG	37	betaxolol hcl (ophth) SOLN ..	58	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	58
benzonatate 150 MG	37	betaxolol hcl	33	brimonidine tartrate-timolol maleate ..	58
benzonatate 200 MG	37	bethanechol chloride 25 MG ..	65	brinzolamide	59
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	38	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	65	BRIVIACT SOLN IV 50 MG/5ML ..	12
benzoyl peroxide GEL 10 %	38	bexarotene (topical)	39	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	12
benzoyl peroxide GEL 5 %	38	bexarotene	28	BRIVIACT TABS	12
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	38	BEXSERO	65	BRIXADI SOSY	7
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 38		bicalutamide	25	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	.59
benztropine mesylate SOLN	28	BIKTARVY	31	bromocriptine mesylate CAPS ..	.29
benztropine mesylate TABS	28	bimatoprost SOLN	59	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG29
bepotastine besilate	59	bisacodyl SUPP	51	BRUKINSA	26
betaine	45	bisacodyl TBEC	51	budesonide (inhalation) SUSP	9
betamethasone dipropionate (topical) CREA	41	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	21	budesonide (intrarectal)	7
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	41	bisoprolol fumarate	33	budesonide (nasal)57
betamethasone dipropionate (topical) OINT	41	bleomycin sulfate 15 UNIT	26	budesonide CPEP37
betamethasone dipropionate		BOOSTRIX SUSP	63	budesonide-formoterol fumarate dihydrate10
		BOOSTRIX SUSY	63	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ..	.44
		bortezomib SOLR IJ	26	bumetanide TABS44
		BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	26	buprenorphine hcl SOLN7
		bosentan TABS 125 MG	34	buprenorphine hcl SUBL7

buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FLM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butenafine hcl 39	captopril 12.5 MG 20	
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FLM SL 3 MG-12 MG	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML 7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG . 20	
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML . 7	carbamazepine CHEW 12	
buprenorphine PTWK	7	cabergoline 46	carbamazepine CP12 100 MG 12	
bupropion hcl (smoking deterrent) 62		CABLIVI 49	carbamazepine CP12 200 MG 12	
bupropion hcl TABS	13	CABOMETYX TABS 26	carbamazepine CP12 300 MG 12	
bupropion hcl TB12 100 MG	13	calcipotriene CREA 40	carbamazepine SUSP 12	
bupropion hcl TB12 150 MG	14	calcipotriene OINT 40	carbamazepine TABS 12	
bupropion hcl TB12 200 MG	14	calcipotriene SOLN 40	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT 41	carbamazepine TB12 200 MG 12	
bupropion hcl TB24 300 MG	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP 41	carbidopa 28	
bupropion hcl TB24 450 MG	14	calcitonin (salmon) NA 45	carbidopa-levodopa TABS 29	
buspirone hcl	8	calcitriol (topical) 40	carbidopa-levodopa TBCR 29	
busulfan SOLN	24	calcitriol CAPS 45	carbidopa-levodopa TBDP 29	
butilbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcitriol SOLN IV 45	carbidopa-levodopa-entacapone .. 29	
butilbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS 47	carbinoxamine maleate SOLN 19	
butilbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium acetate (phosphate binder) TABS 48	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 19	
butilbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium chloride (dihydrate) SOLN 54	carboplatin SOLN 50 MG/5ML 24	
butilbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	calcium polycarbophil TABS 50	carisoprodol TABS 57	
butilbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CALQUENCE 26	carmustine 24	
butilbital-aspirin-caffeine CAPS	5	candesartan cilexetil 20	carteolol hcl (ophth) 58	
butilbital-aspirin-caffeine w/cod	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide 21	carvedilol 33	
		CAPASTAT SULFATE 23	carvedilol phosphate 33	
		capecitabine 24	caspofungin acetate 18	
		CAPLYTA 29	CAYA DPRH 51	
		CAPRELSA 26	CAYSTON 22	
			cefaclor CAPS 35	
			cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	35

cefadroxil CAPS	35	CHEMSTRIP-K STRP	43	ciclopirox olamine SUSP	39
cefadroxil SUSR	35	chloramphenicol sodium succinate 22		ciclopirox SHAM	39
cefadroxil TABS	35	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	ciclopirox SOLN	39
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	35	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	64	cidofovir	32
cefdinir CAPS	35	chlordiazepoxide-amitriptyline	61	cilostazol	49
cefdinir SUSR	35	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	56	CIMDUO	31
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	35	chloroquine phosphate TABS 250 MG	23	cimetidine TABS	64
cefixime CAPS	35	chloroquine phosphate TABS 500 MG	23	cinacalcet hcl	45
cefixime SUSR	35	chlorpromazine hcl CONC	30	CIPRO SUSR	47
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM ..	35	chlorpromazine hcl SOLN	30	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	58
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM ..	35	chlorpromazine hcl TABS	30	ciprofloxacin hcl (otic)	59
cefoxitin sodium IV	35	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	44	ciprofloxacin hcl TABS	47
cefpodoxime proxetil SUSR	35	chlorzoxazone TABS 500 MG	57	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	47
cefpodoxime proxetil TABS	35	CHOLBAM	47	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	47
cefprozil SUSR	35	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	69	ciprofloxacin-dexamethasone	59
cefprozil TABS	35	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	69	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide .. 60	
ceftazidime IV 6 GM	35	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	24
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	35	cholestyramine light POWD	19	CITALOPRAM HYDROBROMIDE CAPS	14
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	35	cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide SOLN	14
cefuroxime axetil TABS	35	cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG	35	choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	14
celecoxib	4	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 45		citalopram hydrobromide TABS 40 MG	14
cephalexin CAPS	35	ciclopirox GEL	39	clarithromycin SUSR	51
cephalexin SUSR	35	ciclopirox olamine CREA	39	clarithromycin TABS	51
CERDELGA	49			clarithromycin TB24	51
CEREZYME 400 UNIT	49				
cetirizine hcl TABS	19				
cevimeline hcl	56				
CHEMET	17				

CLASSIC PRENATAL TABS	56	clobazam TABS	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG
clemastine fumarate SYRP	19	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	41	30
clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	19	clobetasol propionate emollient base 0.05 %	41	clozapine TBDP 200 MG
CLIMARA PRO	46	clobetasol propionate FOAM	41	30
clindamycin hcl	22	clobetasol propionate GEL 0.05 %	41	COARTEM
clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clobetasol propionate OINT 0.05 %	41	codeine sulfate TABS 30 MG
clindamycin phosphate (topical) FOAM	38	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	41	5
clindamycin phosphate (topical) GEL		clocortolone pivalate	41	CODEINE SULFATE TABS
38		clofarabine	24	48
clindamycin phosphate (topical) LOTN	38	clomipramine hcl	15	colchicine hcl w/ probenecid
clindamycin phosphate (topical) SOLN	38	clonazepam TABS	11	19
clindamycin phosphate (topical) SWAB	38	clonazepam TBDP	12	colesevelam hcl PACK
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	22	clonidine	20	colesevelam hcl TABS
clindamycin phosphate vaginal CREA	68	clonidine hcl (adhd) TB12	2	19
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	38	clonidine hcl TABS	20	colestipol hcl GRAN
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	38	clopidogrel bisulfate 300 MG	49	colestipol hcl PACK
clindamycin phosphate-tretinoin ..	38	clopidogrel bisulfate 75 MG	49	19
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 58		clorazepate dipotassium TABS	8	colestipol hcl TABS
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 58		clotrimazole (topical) CREA	39	19
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 58		clotrimazole (topical) SOLN	39	COMETRIQ KIT
clobazam SUSP	11	clotrimazole	56	COMIRNATY 2023-24 SUSP
		clotrimazole vaginal CREA 1 % ..	68	65
		clotrimazole w/ betamethasone CREA	39	COMIRNATY 2023-24 SUSY
		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	39	65
		clozapine TABS	30	COMIRNATY SUSP
		clozapine TBDP 100 MG	30	65
		clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG		31
		30		CONTRAVE
				1
				COPIKTRA
				26
				CORDRAN TAPE
				41
				CORLANOR SOLN
				35
				CORLANOR TABS
				35
				CORTISPORIN-TC
				60
				COSENTYX SENSOREADY PEN
				SOAJ
				40
				COSENTYX SOSY 150 MG/ML ..
				40
				COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML ..
				40
				COSENTYX UNOREADY SOAJ ..
				40
				COTEMPLA XR-ODT TBED
				2

CREON CPEP	43	CYSTAGON CAPS	48	DEPO-ESTRADIOL	46
CRESEMBA CAPS 186 MG	18	CYSTARAN	59	DEPO-MEDROL SUSP	37
cromolyn sodium (ophth)	59	cytarabine SOLN	24	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	36
cromolyn sodium NEBU	9	dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	11	desipramine hcl TABS	15
crotamiton LOTN	43	dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG	11	desloratadine TABS	19
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	56	dacarbazine SOLR 200 MG	28	desloratadine TBDP 2.5 MG	19
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	49	dactinomycin	26	desmopressin acetate SOLN IJ	46
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	57	dalfampridine	61	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	46
cyclophosphamide CAPS	24	danazol CAPS	7	desmopressin acetate spray	46
cyclophosphamide SOLR IJ	24	dantrolene sodium CAPS	57	desmopressin acetate spray refrigerated	46
cycloserine	23	dapsone	22	desmopressin acetate TABS 0.1 MG	46
cyclosporine (ophth) EMUL	59	DAPTACEL	63	desmopressin acetate TABS 0.2 MG	46
cyclosporine CAPS	55	daptomycin 500 MG	22	desogestrel & ethinyl estradiol	35
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	55	darifenacin hydrobromide	64	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	35
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	55	darunavir TABS 600 MG	31	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	35
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	55	darunavir TABS 800 MG	31	desonide CREA	41
CYLTEZO AJKT	3	DAURISMO	25	desonide LOTN	41
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3	DAYVIGO	50	desonide OINT	41
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	DEBACTEROL	56	desoximetasone CREA 0.25 %	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	decitabine	24	desoximetasone GEL	41
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	deferasirox PACK	17	desoximetasone OINT 0.25 %	41
cyproheptadine hcl SYRP	19	deferasirox TABS	17	desvenlafaxine succinate 100 MG	15
cyproheptadine hcl TABS	19	deferasirox TBSO	17	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	15
		deferiprone TABS 500 MG	17	dexamethasone ELIX	37
		deflazacort TABS	37	DEXAMETHASONE INTENSOL	
		DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	46		
		DELSTRIGO	31		
		demeclocycline hcl TABS	63		

CONC	37	diazepam SOLN IJ 5 MG/ML, 10 MG/2ML, 50 MG/10ML	8	NA 4 MG/ML	53
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	59	diazepam TABS	8	DILANTIN 30 MG	13
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	37	diazoxide	16	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG	33
dexamethasone SOLN	37	dichlorphenamide	44	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	33
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG	37	diclofenac epolamine PTCH EX ..	39	diltiazem hcl CP12	33
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG	37	diclofenac potassium TABS 50 MG .	4	diltiazem hcl CP24	33
dexchlorpheniramine maleate SOLN . 19		diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	40	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	33
dexlansoprazole	64	diclofenac sodium (topical) GEL EX 39		diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	33
dexmethylphenidate hcl CP24	2	diclofenac sodium TB24	4	DILTAZEM HCL SOLR	33
dexmethylphenidate hcl TABS	2	diclofenac sodium TBEC	4	diltiazem hcl TABS	33
dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1	diclofenac w/ misoprostol TBEC	4	diltiazem hcl TB24	33
dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1	dicloxacillin sodium	61	dimethyl fumarate CDPK	61
dextroamphetamine sulfate SOLN ..	1	dicyclomine hcl CAPS	64	dimethyl fumarate CPDR	61
dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1		dicyclomine hcl SOLN OR	64	DIPENTUM	47
dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1	dicyclomine hcl TABS	64	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 19	
dextrose in lactated ringers	54	DIFFERIN LOTN	38	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	19
DIACOMIT CAPS 250 MG	12	DIFICID TABS	51	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	19
DIACOMIT CAPS 500 MG	12	diflunisal TABS	5	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19
DIACOMIT PACK 250 MG	12	difluprednate	59	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17
DIACOMIT PACK 500 MG	12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML	34	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17
diazepam (anticonvulsant) GEL ...	12	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	34	DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	63
diazepam CONC	8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	53	dipyridamole	49
DIAZEPAM SOAJ	8	dihydroergotamine mesylate SOLN		disopyramide phosphate CAPS	8

disulfiram	61	doxorubicin hcl SOLN	26	EDARBI	20
DIURIL SUSP	44	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26	EDLUAR SUBL	50
divalproex sodium CSDR	13	26	EDURANT	31
divalproex sodium TB24	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	63	efavirenz CAPS 200 MG	31
divalproex sodium TBEC	13	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	63	efavirenz CAPS 50 MG	31
docetaxel CONC 20 MG/ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	63	efavirenz TABS	31
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	28	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	63	efavirenz-emtricitabine-tenofovir	
docusate calcium	51	doxycycline hyclate CAPS	63	disoproxil fumarate	31
docusate sodium CAPS 100 MG ..	51	doxycycline hyclate SOLR	63	efavirenz-lamivudine-tenofovir	
docusate sodium CAPS 250 MG ..	51	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	63	disoproxil fumarate	31
dofetilide	9	doxylamine-pyridoxine TBEC	18	EGRIFTA 2 MG	45
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	61	dronabinol CAPS	18	EGRIFTA SV	45
donepezil hydrochloride TABS 5 MG ..	61	droperidol SOLN 2.5 MG/ML	8	ELAPRASE	46
donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	61	drospirenone-ethinyl estradiol	35	electrolyte-148	54
donepezil hydrochloride TBDP 5 MG ..	61	drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	36	electrolyte-a	54
DOPTELET	49	DROXIA CAPS	49	ELEPSIA XR TB24	12
dorzolamide hcl	59	DUAVEE	46	ELESTRIN GEL	46
dorzolamide hcl-timolol maleate ..	58	DULERA	10	eletriptan hydrobromide	53
DOVATO	31	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	15	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	25
doxazosin mesylate	20	duloxetine hcl CPEP 40 MG	15	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	25
doxepin hcl (antipruritic)	40	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN		ELIQUIS STARTER PACK TBPK ..	11
doxepin hcl (sleep)	50	DEVI	51	ELIQUIS TABS	11
doxepin hcl CAPS	15	dutasteride	48	ELLA	36
doxepin hcl CONC	15	DYANAVEL XR CHER	1	ELMIRON CAPS	48
doxercalciferol CAPS	46	DYANAVEL XR SUER	1	EMCYT	25
doxercalciferol SOLN	46	econazole nitrate CREA	39	EMFLAZA SUSP	37
doxorubicin hcl liposomal	26	EMFLAZA TABS (deflazacort)	37

EMSAM	14	entacapone	28	ertapenem sodium IJ	22
emtricitabine CAPS	31	entecavir TABS	32	erythromycin (acne aid) PADS	38
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	31	EPIDIOLEX	12	erythromycin (acne aid) SOLN	38
EMTRIVA SOLN	31	epinastine hcl (ophth)	59	erythromycin (ophth)	58
EMVERM CHEW	8	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	68	erythromycin base CPEP	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21		epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	68	erythromycin base TABS	51
enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 21		EPIVIR HBV SOLN	32	erythromycin base TBEC	51
enalapril maleate TABS	20	eplerenone	22	erythromycin ethylsuccinate SUSR 51	
ENBREL MINI SOCT	4	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49	erythromycin ethylsuccinate TABS 51	
ENBREL SOLN	4	epoprostenol sodium	34	escitalopram oxalate SOLN	14
ENBREL SOLR	4	EPRONTIA SOLN	12	escitalopram oxalate TABS 10 MG 14	
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 56		escitalopram oxalate TABS 20 MG 14	
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	EQUETRO 100 MG	29	escitalopram oxalate TABS 5 MG . 14	
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO 200 MG	29	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	64
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	65	EQUETRO 300 MG	29	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	64
ENGERIX-B SUSY	65	ERAXIS	18	esomeprazole magnesium TBEC . 64	
enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ERBITUX	25	estazolam	50
enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergocalciferol CAPS	69	estradiol GEL	46
enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergocalciferol SOLN OR	69	estradiol PTTW	46
enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ergoloid mesylates TABS	62	estradiol PTWK	46
enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ERGOMAR SUBL	53	estradiol TABS	46
enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	53	estradiol vaginal CREA	68
ENSPRYNG	55	ERIVEDGE	25	estradiol vaginal TABS	68
		ERLEADA 240 MG	25	estradiol valerate	46
		ERLEADA 60 MG	25	ESTROGEL GEL	46
		erlotinib hcl	25	eszopiclone	50
		ERTACZO	39	ethacrynic acid	44

ethambutol hcl TABS	23	FANAPT	29	ferrous sulfate TBEC 325 MG	50
ethosuximide CAPS	13	FANAPT TITRATION PACK	29	fesoterodine fumarate	65
ethosuximide SOLN	13	FANATREX FUSEPAQ SUSP	12	FETZIMA CP24	15
ethynodiol diacet & eth estrad	36	FANTASY LUBRICATED MISC	51	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	15
etodolac CAPS	4	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	51	finasteride	48
etodolac TABS	4	FARXIGA	17	fingolimod hcl	61
etonogestrel-ethinyl estradiol	36	FASENRA PEN SOAJ	9	FINTEPLA	12
ETOPOPHOS	28	FASENRA SOSY	9	FIRDAPSE	23
etoposide CAPS	28	FC2 FEMALE CONDOM	51	FIRMAGON	25
etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	28	febuxostat	48	flavoxate hcl	65
etravirine 100 MG	31	felbamate SUSP	13	flecainide acetate	9
etravirine 200 MG	31	felbamate TABS 400 MG	13	flouxuridine	24
EUCRISA	43	felbamate TABS 600 MG	13	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	66
EVAMIST SOLN	46	felodipine	33	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	66
EVEKEO ODT TBDP	1	FEMCAP DEVI	51	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	66
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	55	FEMRING	68	FLUARIX QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	66
everolimus TABS	26	fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66
EVOTAZ	31	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	20	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66
exemestane	25	fenoprofen calcium TABS	4	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021- 2022	66
ezetimibe	20	FENSOLVI SC	45	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	66
ezetimibe-simvastatin	19	fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	66
famciclovir 125 MG, 250 MG	32	fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	66
famciclovir 500 MG	32	ferrous fumarate-folic acid	49	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024	66
famotidine in nacl SOLN	64	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML	50	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	66
famotidine SOLN 20 MG/2ML	64	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG ..	50	FLUCELVAX QUADRIVALENT	
famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	64				
famotidine SUSR	64				
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	64				

2021-2022 SUSY	66	fluocinonide GEL	41	58
FLUCELVAX QUADRIVALENT		fluocinonide OINT	41	fluticasone propionate CREA 0.05 %
2022-2023 SUSP	66	fluocinonide SOLN	41	41
FLUCELVAX QUADRIVALENT		fluorometholone (ophth) SUSP	59	fluticasone propionate hfa
2022-2023 SUSY	66	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	40	9
FLUCELVAX QUADRIVALENT		fluorouracil (topical) SOLN	40	fluticasone propionate LOTN
2023-2024 SUSP	66	fluorouracil (topical) SOLN	40	42
FLUCELVAX QUADRIVALENT		fluorouracil 500 MG/10ML	24	fluticasone propionate OINT
2023-2024 SUSY	66	fluoxetine hcl (pmdd) TABS	62	42
fluconazole SUSR	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	fluticasone-salmeterol AEPB 100
fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14	MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250
flucytosine	18	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14	MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500
fludarabine phosphate SOLN	24	fluoxetine hcl CPDR	14	MCG/ACT-50 MCG/ACT
fludarabine phosphate SOLR	24	fluoxetine hcl SOLN	14	10
fludrocortisone acetate TABS	37	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG		fluticasone-salmeterol AERO
FLULALVAL QUADRIVALENT 2021-		14		10
2022 SUSY	66	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14	fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..
FLULALVAL QUADRIVALENT 2022-		30		20
2023 SUSY	66	fluphenazine decanoate	30	fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..
FLULALVAL QUADRIVALENT 2023-		30		20
2024 SUSY	66	fluphenazine hcl CONC	30	fluvoxamine maleate CP24
FLUMIST QUADRIVALENT	66	fluphenazine hcl ELIX	30	14
flunisolide (nasal) 0.025 %	57	fluphenazine hcl SOLN	30	fluvoxamine maleate TABS 100 MG .
fluocinolone acetonide (otic)	60	fluphenazine hcl TABS	30	14
fluocinolone acetonide CREA 0.01 %		flurandrenolide CREA	41	fluvoxamine maleate TABS 25 MG,
41		flurandrenolide LOTN	41	50 MG
fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	41	flurazepam hcl	50	14
fluocinolone acetonide OIL	41	flurbiprofen sodium	59	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-
fluocinolone acetonide OINT	41	flurbiprofen TABS	4	2022
fluocinolone acetonide SOLN	41	flutamide	25	66
fluocinonide CREA 0.05 %	41	fluticasone furoate-vilanterol	10	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-
fluocinonide emulsified base	41	fluticasone propionate (inhalation)		2023
		AEPB	9	66
		fluticasone propionate (nasal) SUSP .		FLUZONE QUADRIVALENT 2023-

2024 SUSY	67	2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	60
FML FORTE SUSP	59	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	60
FML OINT	59	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	60
folic acid TABS	49	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAKED 1 GM/10ML	60
fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	60
fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	GAMUNEX-C 1 GM/10ML	60
fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		frovatriptan succinate	53	GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	60
fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		fulvestrant SOSY	25	ganciclovir sodium SOLR	32
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	44	ganirelix acetate	45
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..43		furosemide TABS	44	GARDASIL 9 SUSP	67
formoterol fumarate NEBU	10	FUZEON SOLR	31	GARDASIL 9 SUSY	67
FOSAMAX PLUS D	45	FYCOMPA SUSP	11	gatifloxacin (ophth)	58
fosamprenavir calcium TABS	31	FYCOMPA TABS 2 MG	11	gefitinib	25
fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 4 MG	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	24
fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	21	FYCOMPA TABS 6 MG	11	gemfibrozil TABS	20
fosinopril sodium	20	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	3
fosphenytoin sodium	13	gabapentin CAPS	12	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..58	
FRAGMIN SOSY	11	gabapentin SOLN	12	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..58	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	53	gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		gentamicin sulfate (topical) CREA ..39	
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	53	GABAPENTIN TINYTABS TABS ..12		gentamicin sulfate (topical) OINT ..39	
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	53	GALAFOLD	46	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	3
FREESTYLE LIBRE		galantamine hydrobromide CP24 ..61		GENVOYA	31
		galantamine hydrobromide SOLN ..61		GILOTrif	25
		galantamine hydrobromide TABS ..61			
		GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 60			

glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML	62	granisetron hcl TABS	18	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3
glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML	62	GRASTEK SUBL	2	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .	3
GLEOSTINE 10 MG	24	griseofulvin microsize SUSP	18	HUMIRA PEN PNKT	3
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	24	griseofulvin microsize TABS	18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3
glimepiride 1 MG, 2 MG	17	guanfacine hcl (adhd)	2	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3
glimepiride 4 MG	17	guanfacine hcl	21	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3
glipizide TABS 5 MG, 10 MG	17	GYNAZOLE-1	68	HUMIRA PSKT	3
glipizide TB24	17	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16
glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	HADLIMA SOSY	3	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16
glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HAEGARDA SOLR SC	48	HYCAMTIN CAPS	28
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	43	HALAVEN	28	hydralazine hcl SOLN	22
glucagon (rdna)	16	halcinonide CREA	42	hydralazine hcl TABS	22
glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	17	halobetasol propionate CREA	42	hydrochlorothiazide CAPS	44
glyburide TABS	17	halobetasol propionate OINT	42	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 44	
glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	HALOG OINT	42	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	44
glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15	haloperidol decanoate	29	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	37
glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %	48	haloperidol lactate CONC	29	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6
glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	64	haloperidol lactate SOLN	30	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6
glycopyrrolate TABS 1 MG	64	haloperidol TABS	30	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
glycopyrrolate TABS 2 MG	64	HAVRIX	67		
GLYXAMBI	15	HEMANGEOL SOLN OR	33		
GNP PRENATAL TABS	56	heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11		
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	43	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11			
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	18	HEPLISAV-B SOSY	67		
		HIBERIX SOLR IJ	65		
		HUMATROPE CART IJ	45		

hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7	hydroxyzine hcl SYRP	8	IMPAVIDO	22
hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydroxyzine hcl TABS	8	INCRELEX	45
hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxyzine pamoate CAPS	8	INCRUSE ELLIPTA	9
hydrocortisone (rectal) EX	7	HYPERSAL NEBU	37	indapamide TABS 1.25 MG	44
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	42	HYQVIA	60	indapamide TABS 2.5 MG	44
hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	42	ibandronate sodium SOLN	45	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	4
hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %	42	ibandronate sodium TABS	45	indomethacin CPCR	4
hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	42	IBRANCE CAPS	26	INFANRIX	63
hydrocortisone acetate (rectal)	7	IBRANCE TABS	27	INFLECTRA SOLR	47
hydrocortisone butyrate CREA	42	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	4	INGREZZA CAPS	61
hydrocortisone butyrate OINT	42	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG	4	INGREZZA CPPK	61
hydrocortisone butyrate SOLN	42	ibuprofen TABS 800 MG	4	INLYTA	24
hydrocortisone TABS	37	icatibant acetate SOLN	48	INREBIC	27
hydrocortisone valerate CREA	42	icatibant acetate SOSY	48	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	16
hydrocortisone valerate OINT	42	ICLUSIG	27	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16
hydrocortisone w/acetic acid	60	icosapent ethyl 1 GM	19	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	16
hydromorphone hcl LIQD	5	idarubicin hcl 20 MG/20ML	26	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	16
hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML	5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	26	INSULIN ASPART SOLN IJ	17
hydromorphone hcl TABS	5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	17
hydromorphone hcl TB24 32 MG	5	ifosfamide SOLR	24	INSULIN DEGLUDEC SOLN	17
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5	imatinib mesylate	27	INTELENCE 25 MG	31
hydroxychloroquine sulfate 200 MG	23	IMBRUVICA CAPS 140 MG	27	INTRAROSA	68
hydroxyurea	28	IMBRUVICA CAPS 70 MG	27	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	28
hydroxyzine hcl SOLN 25 MG/ML, 50 MG/ML	8	IMBRUVICA SUSP	27	INVEGA HAFYERA	29
		IMBRUVICA TABS	27	INVEGA SUSTENNA	29
		imipenem-cilastatin IV	22		
		imipramine hcl TABS	15		
		imipramine pamoate	15		
		imiquimod 5 %	42		

INVEGA TRINZA	29	isradipine CAPS	33	KETONE TEST STRIPS STRP	43
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	54	itraconazole CAPS	18	ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG	4
IOPIDINE	58	itraconazole SOLN	18	ketorolac tromethamine (ophth)	59
IPOP INACTIVATED IPV	67	ivermectin (pediculicide)	43	ketorolac tromethamine TABS	4
ipratropium bromide (nasal) 0.03 %	57	ivermectin	8	KETOSTIX STRP	43
ipratropium bromide (nasal) 0.06 %	57	IXEMPRA KIT 15 MG	28	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	59
ipratropium bromide SOLN 0.02 %	9	JAKAFI	27	KEVZARA SOAJ	4
ipratropium-albuterol SOLN	10	JANSSEN COVID-19 VACCINE	67	KEVZARA SOSY	4
irbesartan	20	JANUMET TABS	15	KIMONO COLORS DEVI	51
irbesartan-hydrochlorothiazide	21	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15	KIMONO LUBRICATED MISC	51
IRESSA (gefitinib)	25	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	51
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	28	JANUVIA	16	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	51
irrigation solutions, physiological	56	JARDIANCE	17	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	51
ISENTRESS CHEW	31	JEVTANA	28	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	51
ISENTRESS HD TABS	31	JORNAY PM CP24	2	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	51
ISENTRESS TABS	31	JULUCA	31	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	51
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	54	KALYDECO TABS	62	KIMONO PS LUBRICATED MISC	51
ISOLYTE-S	54	KAMELEON LUBRICATED MISC	51	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	51
isoniazid SOLN	23	KANJINTI	25	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	52
isoniazid SYRP	23	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	54	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	52
isoniazid TABS	23	KEPIVANCE 6.25 MG	28	KIMONO SPECIAL DEVI	52
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	8	KESIMPTA	62	KINRIX SUSY	63
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	34	KETAMINE HYDROCHLORIDE TROC	48	KISQALI	27
isosorbide mononitrate TABS	8	ketoconazole (topical) CREA	39	KISQALI FEMARA 200 DOSE	26
isosorbide mononitrate TB24	8	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	39		
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	38	ketoconazole	18		
		KETONE STRP	43		

KISQALI FEMARA 400 DOSE	26	lamivudine-zidovudine	31	LEUKERAN	24
KISQALI FEMARA 600 DOSE	26	lamotrigine CHEW 25 MG	12	LEUKINE SOLR IJ	49
KLARITY-A	58	lamotrigine CHEW 5 MG	12	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	
KLOXXADO LIQD	17	lamotrigine KIT 25 MG	12	25
KOSELUGO	27	lamotrigine TABS	12	levalbuterol hcl	10
KP PRENATAL MULTIVITAMINS		lamotrigine TB24	12	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10
TABS	56	lamotrigine TBDP	12	levalbuterol tartrate	10
KRINTAFEL	23	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	34	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	17
K-Y ME & YOU EXTRA		LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125		LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	17
LUBRICATED DEVI	52	MCG, 250 MCG (digoxin)	34	LEVEMIR SOLN	17
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	52	lansoprazole CPDR 15 MG	64	levetiracetam in sodium chloride	12
KYLEENA	36	lansoprazole CPDR 30 MG	64	levetiracetam SOLN OR 100 MG/ML,	
KYPROLIS	27	lanthanum carbonate CHEW	48	500 MG/5ML	12
labetalol hcl SOLN	33	lapatinib ditosylate	27	levetiracetam TABS 1000 MG	12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG	33	LASTACRAFT	59	levetiracetam TABS 250 MG, 750	
labetalol hcl TABS 300 MG	33	latanoprost SOLN	59	MG	12
lacosamide SOLN OR 10 MG/ML	12	leflunomide	4	levetiracetam TABS 500 MG	12
lacosamide TABS	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,		levetiracetam TB24	12
lactated ringer's (irrigation)	56	15 MG, 25 MG	55	levobunolol hcl 0.5 %	58
lactated ringer's	54	lenalidomide 20 MG	55	levocetirizine dihydrochloride SOLN	
lactic acid (ammonium lactate) CREA		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	24	19	
.....	42	LENVIMA 12MG DAILY DOSE	24	levocetirizine dihydrochloride TABS	
lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	24	19	
12 %	42	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin (ophth) 0.5 %	58
lactulose (encephalopathy)	47	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin in d5w 5 %-500	
lactulose SOLN	50	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	24	MG/100ML	47
LAMICTAL XR KIT	12	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24	levofloxacin SOLN OR	47
lamivudine (hbv) TABS	32	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG	
lamivudine SOLN	31	letrozole	25	47	
lamivudine TABS 150 MG	31	leucovorin calcium SOLR	28	levofloxacin TABS 500 MG	47
lamivudine TABS 300 MG	31	leucovorin calcium TABS	28	levonorgestrel & eth estradiol TABS	
				36	
				levonorgestrel (emergency oc) 1.5	

MG	36	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	36	lithium	29
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	36	LITHIUM	29
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	36	lithium carbonate CAPS	29
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron		lithium carbonate TABS	29
36	lithium carbonate TBCR	29	
levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	LO LOESTRIN FE TABS	36
levothyroxine sodium TABS	63	LOKELMA	56
LEXIVA SUSP	31	loperamide hcl CAPS	17
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	51	lopinavir-ritonavir SOLN	31
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	56	lopinavir-ritonavir TABS	31
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	56	loratadine CAPS	19
lidocaine hcl GEL 2 %	42	loratadine CHEW	19
lidocaine hcl PRSY	42	loratadine SOLN	19
lidocaine hcl SOLN	42	loratadine TABS	19
lidocaine PTCH 5 %	42	lorazepam CONC	8
lidocaine-prilocaine CREA	42	lorazepam SOLN	8
LILETTA 20.1 MCG/DAY	36	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
lincomycin hcl	22	lorazepam TABS 1 MG	8
linezolid SUSR	22	LORBRENA	27
linezolid TABS	22	LOREEV XR CS24	8
LINZESS	47	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	21
liothyronine sodium SOLN	63	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	21
liothyronine sodium TABS	63	losartan potassium	20
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		LOTEMAX OINT	59
1		loteprednol etabonate GEL	59
lisinopril & hydrochlorothiazide	21	loteprednol etabonate SUSP	59
		lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	20
		lovastatin TABS 40 MG	20
		loxapine succinate	30
		lubiprostone	47
		LUCEMYRA	61
		luliconazole	39
		LUMIZYME	46
		LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25
		LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25
		LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM ..	25
		LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM ..	25
		LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) ..	45
		LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	45
		LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	45
		lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG	29
		lurasidone hcl 80 MG	29
		LYBALVI	61
		LYNPARZA TABS	27
		LYSODREN	25
		mafенide acetate PACK	40
		magnesium sulfate IJ 50 %	55
		malathion	43
		maraviroc TABS 150 MG	31
		maraviroc TABS 300 MG	31
		MARPLAN	14
		MASONATAL TABS	56

MATULANE	28	MENEST	46	methadone hcl TABS 10 MG	5
MAVYRET PACK	32	MENOSTAR PTWK	46	methadone hcl TABS 5 MG	5
MAVYRET TABS	32	MENQUADFI	65	methadone hcl TBSO	5
MAXIDEX SUSP OP	59	MENVEO SOLR	65	methamphetamine hcl	1
MAXX LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML	5	methazolamide TABS	44
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	52	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML	5	methenamine hippurate	22
meclizine hcl TABS 12.5 MG	18	meperidine hcl TABS 50 MG	5	methimazole TABS	63
meclizine hcl TABS 25 MG	18	meprobamate	8	METHITEST TABS	7
meclofenamate sodium CAPS	4	mercaptopurine TABS	24	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG	57
MEDROL TABS	37	meropenem	22	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML	24
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM	36	mesalamine CP24	47	methotrexate sodium SOLR	24
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM	36	mesalamine CPDR	47	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 24	
medroxyprogesterone acetate 10 MG	61	mesalamine ENEM	47	methoxsalen rapid	40
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG	61	mesalamine SUPP	47	methscopolamine bromide	64
mefenamic acid CAPS	4	mesalamine TBEC 1.2 GM	47	methsuximide	13
mefloquine hcl	23	mesalamine TBEC 800 MG	47	methyldopa TABS	21
megestrol acetate (appetite)	61	metaxalone 800 MG	57	methylphenidate hcl CHEW	2
megestrol acetate SUSP	25	metformin hcl TABS 1000 MG	16	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2
megestrol acetate TABS	25	metformin hcl TABS 500 MG	16	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2
MEKINIST TABS 0.5 MG	27	metformin hcl 850 MG	16	methylphenidate hcl CP24	2
MEKINIST TABS 2 MG	27	metformin hcl TB24 500 MG	16	methylphenidate hcl CPCR	2
MEKTOVI	27	metformin hcl TB24 750 MG	16	methylphenidate hcl SOLN	2
meloxicam TABS	4	methadone hcl CONC	5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2
melphalan	24	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2
melphalan hcl	24	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG	2
memantine hcl TABS	61	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54	
MENACTRA	65				

MG2	metronidazole (topical) CREA	43	M-M-R II SOLR	67
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 43		M-NATAL PLUS TABS	56
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	43	modafinil 100 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	43	modafinil 200 MG	2
METHYLPHENIDATE HYDROCHLORIDE ER TBCR 72 MG	2	metronidazole TABS	22	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	67
methylphenidate PTCH	2	metronidazole vaginal	68	MODERNA COVID-19 VACCINE,BIVALENT ORIGINAL ANDOMICRON	67
methylprednisolone acetate SUSP	37	mexiletine hcl	8	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	37	micafungin sodium	18	67	
methylprednisolone TABS	37	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	68	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y ...	67
methylprednisolone TBPK	37	midodrine hcl	68	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .	67
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	47	mifepristone	46	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 .67	
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	47	miglitol	15	MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP	67
metoclopramide hcl TABS	47	miglustat	49	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	67
metolazone	44	minocycline hcl CAPS	63	moexipril hcl	20
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	21	minocycline hcl TABS	63	molindone hcl	30
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	21	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	22	mometasone furoate (nasal) SUSP 58	
metoprolol succinate TB24 200 MG 33		MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	49	mometasone furoate CREA	42
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	33	MIRENA	36	mometasone furoate OINT	42
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	33	mirtazapine TABS 15 MG	13	mometasone furoate SOLN	42
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	33	mirtazapine TABS 30 MG	13	montelukast sodium CHEW	9
		mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	montelukast sodium PACK	9
		mirtazapine TBDP 15 MG	13	montelukast sodium TABS	9
		mirtazapine TBDP 30 MG	13	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	
		mirtazapine TBDP 45 MG	13	morphine sulfate SOLN IJ 0.5	
		misoprostol	64		
		mitomycin SOLR IV 20 MG	26		
		mitoxantrone hcl 2 MG/ML	26		

MG/ML, 1 MG/ML	6	nalbuphine hcl	7	NEONATAL COMPLETE TABS 120
morphine sulfate SOLN OR 10		naloxone hcl LIQD	17	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10
MG/5ML	5	naloxone hcl SOCT	17	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-
morphine sulfate SOLN OR 20		naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4		27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2
MG/5ML	6	MG/10ML	17	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG
morphine sulfate TABS	6	naloxone hcl SOSY	17	56 NEONATAL PLUS TABS
morphine sulfate TBCR	6	naltrexone hcl	17	56 NEONATAL PRENATAL VITAMIN
MOTOFEN	17	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	TABS
MOVANTIK	47	naproxen SUSP	4	56 NEONATAL VITAMIN TABS
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	58	naproxen TABS	4	23 neostigmine methylsulfate SOSY ..
moxifloxacin hcl in sodium chloride		naproxen TBEC 500 MG	4	39 NEO-SYNALAR
47		naratriptan hcl	53	29 NEUPRO
moxifloxacin hcl TABS	47	NATACYN	58	59 NEVANAC
MOZOBIL (plerixafor)	50	NATAZIA	36	31 nevirapine SUSP
MULPLETA	49	nateglinide	17	31 nevirapine TABS
MULTI PRENATAL TABS	56	NAYZILAM	12	31 nevirapine TB24 100 MG
mupirocin OINT	39	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG		31 nevirapine TB24 400 MG
MVASI	25	33		64 NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole
MYALEPT	46	nebivolol hcl 20 MG	33	magnesium)
mycophenolate mofetil CAPS	55	NEBUSAL NEBU	37	36 NEXTSTELLIS
mycophenolate mofetil TABS	55	nefazodone hcl	15	20 niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..
mycophenolate sodium	55	nelarabine	24	69 niacin CPCR 250 MG, 500 MG
MYLERAN TABS	24	neomycin sulfate TABS	3	69 niacin TABS
nabumetone	4	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	58	69 niacin TBCR
nadolol TABS 20 MG	33	59	69 NIACIN TR TBCR	
nadolol TABS 40 MG	33	neomycin-polomy-dexameth OINT	59	69 niacinamide TABS 100 MG
nadolol TABS 80 MG	33	neomycin-polomy-dexameth SUSP		69 niacinamide TABS 500 MG
nafcillin sodium IV 10 GM	61	neomycin-polomyxinhc (ophth) ..	59	33 nicardipine hcl CAPS
naftifine hcl CREA 1 %	39	60	33 nicardipine hcl SOLN	
naftifine hcl CREA 2 %	39	neomycin-polomyxinhc (otic) SOLN .	60	62 nicotine MISC XX
NAGLAZYME	46	60	62 nicotine polacrilex GUM	
		neomycin-polomyxinhc (otic) SUSP .		62 nicotine polacrilex LOZG

nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	62	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	45	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	43
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	62	NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	45	NOVAREL IM 10000 UNIT	45
NICOTROL INHALER INHA	62	norelgestromin-ethinyl estradiol	36	NOVAVAX COVID-19 VACCINE	67
NICOTROL NS SOLN	62	norethrin acet & estrad-fe CAPS	36	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24	67
nifedipine CAPS 10 MG	33	norethrin acet & estrad-fe CHEW	36	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	17
nifedipine CAPS 20 MG	33	norethrin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30	36	NOVOLIN 70/30 SUSP	17
nifedipine TB24 60 MG	33	MCG-75 MG	36	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	17
nifedipine TB24 90 MG	33	norethindrone & eth estradiol	36	NOVOLIN N SUSP	17
nifedipine TB24	33	norethindrone & ethinyl estradiol-fe	36	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	17
nilutamide	25	norethindrone (contraceptive)	37	NOVOLIN R SOLN IJ	17
nimodipine CAPS	33	norethindrone acet & eth estra	36	NOXAFIL SUSP (posaconazole)	18
NINLARO	27	norethindrone acetate TABS	61	NP THYROID 120 TABS	63
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	33	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	46	NP THYROID 15 TABS	63
nitazoxanide TABS	22	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	36	NP THYROID 30 TABS	63
nitisinone CAPS	46	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	36	NP THYROID 60 TABS	63
NITRO-BID OINT	8	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	36	NP THYROID 90 TABS	63
nitrofurantoin	22	norgestimate-ethinyl estradiol	36	NUBEQA	25
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	23	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	36	NUCALA SOAJ	9
nitrofurantoin monohyd macro	23	NORMOSOL-M/D5W	54	NUCALA SOLR	9
nitroglycerin (intra-anal)	7	NORMOSOL-R	54	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9
nitroglycerin CPCR	8	nortriptyline hcl CAPS	15	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9
nitroglycerin PT24	8	nortriptyline hcl SOLN	15	NUCYNTA ER TB12	6
NITROGLYCERIN SOLN IV	8	NORVIR PACK	31	NUCYNTA TABS	6
nitroglycerin SUBL	8	NORVIR SOLN	31	NUEDEXTA	62
NIVA-PLUS TABS	56	nystatin (mouth-throat)	56	NULOJIX	55
nizatidine CAPS	64	nystatin (topical) CREA	39	NUPLAZID CAPS	29
nizatidine SOLN	64	NUPLAZID TABS 10 MG	29		

nystatin (topical) OINT	39	omeprazole CPDR	64	OSMOPREP	50
nystatin (topical) POWD EX	39	omeprazole magnesium CPDR	64	OSPHENA	45
nystatin TABS	18	omeprazole TBEC	64	OTEZLA TABS	4
nystatin-triamcinolone CREA	39	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	64	OTEZLA TBPK	4
nystatin-triamcinolone OINT	39	OMNIFLEX DIAPHRAGM	52	oxacillin sodium IV 10 GM	61
octreotide acetate SOLN	46	ONCASPAR	28	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	24
octreotide acetate SOSY	46	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML 18		oxandrolone	7
ODEFSEY	31	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	18	oxaprozin TABS	4
ODOMZO	25	ondansetron hcl SOSY	18	oxazepam CAPS	8
OFEV	62	ondansetron hcl TABS 24 MG	18	OXBRYTA TABS 500 MG	49
ofloxacin (ophth)	58	ondansetron hcl TABS 4 MG	18	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (otic)	59	ondansetron hcl TABS 8 MG	18	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	47	ondansetron hcl TABS 8 MG	18	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
OGIVRI	25	ondansetron hcl TBDP 4 MG	18	oxiconazole nitrate CREA	39
olanzapine SOLR	30	ondansetron hcl TBDP 8 MG	18	OXISTAT LOTN	39
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	56	OXTELLAR XR TB24	13
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	30	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	57	oxybutynin chloride SOLN	65
olanzapine TBDP 20 MG	30	OPILL	37	oxybutynin chloride TABS 5 MG	65
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	30	OPSUMIT	34	oxybutynin chloride TB24	65
olanzapine-fluoxetine hcl	61	ORENITRAM TBCR	34	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6
olmesartan medoxomil	20	ORILISSA	45	oxycodone hcl TABS	6
olmesartan medoxomil-amldipine- hydrochlorothiazide	21	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	62	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21	ORKAMBI TABS	62	oxymorphone hcl TABS	6
olopatadine hcl (nasal)	57	ORLADEYO	49	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6
olopatadine hcl 0.1 %	59	orphenadrine citrate TB12	57	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG ..	6
olopatadine hcl 0.2 %	59	oseltamivir phosphate CAPS	32	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16
omega-3-acid ethyl esters	19	oseltamivir phosphate SUSR	32		

OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML	16	paroxetine hcl TABS 40 MG	14	penicillin v potassium TABS	60
OZEMPIC SOPN 4 MG/3ML, 8 MG/3ML	16	paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	PENTACEL	63
paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	28	paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	pentazocine w/ naloxone hcl	7
paclitaxel protein-bound particles ..	28	PASER PACK	23	pentoxifylline	48
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	29	pazopanib hcl	27	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG ..	20
paliperidone 6 MG	29	PEDIARIX SUSY	63	perindopril erbumine 4 MG	20
palonosetron hcl SOLN	18	pediatric multivitamins w/fl CHEW ..	56	PERJETA	25
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	45	PEDVAX HIB SUSP	65	permethrin CREA	43
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 45		peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid	50	permethrin LIQD EX	43
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	44	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	50	perphenazine TABS	30
PANRETIN	40	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	50	perphenazine-amitriptyline	61
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 64		PEGASYS SOLN	32	PERSERIS PRSY	29
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 64		PEGASYS SOSY	32	PEXEVA	14
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	36	PEMAZYRE	27	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	68
paricalcitol CAPS	46	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 24		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	67
paricalcitol SOLN	46	penciclovir	40	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 67	
paroxetine hcl SUSP	14	penicillamine CAPS	55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP	67
paroxetine hcl TABS 10 MG	14	penicillamine TABS	55	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP	67
paroxetine hcl TABS 20 MG	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 60		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ..	67
paroxetine hcl TABS 30 MG	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	60	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ..	68
		PENICILLIN G PROCAINE	60	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 68	
		penicillin g sodium	60		
		penicillin v potassium SOLR	60		

PHEBURANE PLLT	46	PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	27	20 MEQ/L	54
phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	48	PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %	54
phendimetrazine tartrate TABS	1	pirfenidone TABS 534 MG	63	piroxicam CAPS	4
phenelzine sulfate	14	PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	54	potassium chloride	
phenobarbital ELIX	50	PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	54	microencapsulated crystals er	55
phenobarbital TABS	50	54	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	55
phenoxybenzamine hcl	20	PLEGRIDY SOPN	62	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 55	
phentermine hcl CAPS	1	PLEGRIDY SOSY IM	62	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20	
phentolamine mesylate SOLR	20	PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 62	62	MEQ/50ML	55
phenytoin CHEW	13	PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	62	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	55
phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	13	plerixafor	50	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	54
phenytoin sodium SOLN	13	PNEUMOVAX 23	65	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	55
phenytoin SUSP	13	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	65	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	48
PHEXXI	68	podofilox SOLN	42	potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	55
PHOSLYRA SOLN	48	polymyxin b sulfate SOLR	22	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	38
PHOTOFRIN	28	polymyxin b-trimethoprim	58	pralatrexate 20 MG/ML	24
PIFELTRO	31	POMALYST	26	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	29
pilocarpine hcl (oral)	56	posaconazole SUSP	19	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	29
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 58		potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 55		prasugrel hcl	49
pimecrolimus	42	potassium bicarbonate TBEF	55	pravastatin sodium	20
pimozide	62	potassium chloride CPCR	55	praziquantel	8
pindolol TABS	33	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	54		
pioglitazone hcl	17				
pioglitazone hcl-glimepiride	16				
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 16					
piperacillin sodium-tazobactam sodium	60				
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	27	potassium chloride in dextrose 5 %-			

prazosin hcl CAPS	21	LUBRICATED MISC	52	probencid	48
PRECISION XTRA	43	PREMPHASE	46	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML .	
PRED MILD	59	PREMPRO	46	8	
prednicarbate OINT	42	PRENATAL MULTIVITAMIN TABS		prochlorperazine	30
prednisolone acetate (ophth)	59	57		prochlorperazine edisylate 10	
PREDNISOLONE SODIUM		PRENATAL ONE DAILY TABS	57	MG/2ML	30
PHOSPHATE	59	PRENATAL PLUS TABS	57	prochlorperazine maleate TABS ..	30
prednisolone sodium phosphate		PRENATAL PLUS VITAMIN		PROCRT 2000 UNIT/ML, 3000	
SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10		ANDMINERAL TABS	57	UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000	
MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML		PRENATAL TABS	57	UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	49
37		PRENATAL VITAMIN & MINERAL		PROCRT 40000 UNIT/ML	49
prednisolone sodium phosphate		TABS	57	progesterone CAPS	61
TBDP	37	PRENATAL VITAMIN TABS	57	PROGRAF PACK	55
prednisolone SOLN	37	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	57	PROGRAF SOLN	55
prednisolone TABS	37	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW		PROLASTIN-C SOLN	62
prednisone SOLN	37	IRON TABS	57	PROLASTIN-C SOLR	62
prednisone TABS 1 MG, 5 MG	37	PRENATAL VITAMINS TABS 120		PROLEUKIN	28
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20		MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8		PROLIA SOSY	45
MG, 50 MG	37	MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200		promethazine hcl SOLN 6.25	
prednisone TBPK	37	MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30		MG/5ML	19
pregabalin (once-daily) 330 MG	62	UNIT	57	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25	
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165		PRENATRIX TABS	57	MG	19
MG	62	PRENATRYL TABS	57	promethazine hcl SUPP 50 MG ..	19
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG		PREPLUS TABS	57	promethazine hcl SYRP	19
13		PREVNAR 13	65	promethazine hcl TABS	19
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75		PREVNAR 20	65	propafenone hcl CP12	9
MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	13	PREZCOBIX	31	propafenone hcl TABS	9
pregabalin SOLN	13	PREZISTA SUSP	31	proparacaine hcl	59
PREHEVBRIQ	68	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	31	propranolol hcl CP24	33
PREMARIN	68	PRIFTIN	23	propranolol hcl SOLN OR 20	
PREMARIN SOLR	46	primaquine phosphate TABS	23	MG/5ML, 40 MG/5ML	33
PREMARIN TABS	46	primidone 50 MG, 250 MG	13	propranolol hcl TABS	33
PREMIUM CONDOMS		PRIORIX SUSR	68		

propylthiouracil	63	quinapril hcl 5 MG, 10 MG	20	RECOMBIVAX HB SUSY	68
protriptyline hcl	15	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7
PTS PANELS KETONE TEST	43	quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	21	REGRANEX	43
PULMICORT FLEXHALER AEPB	10	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG	21	RELENZA DISKHALER	32
PULMOZYME	62	quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-	21	RELEXXII TBCR 72 MG	2
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	57	quinidine sulfate TABS	8	RELION KETONE TEST STRIPS	
pyrazinamide	23	quinine sulfate CAPS 324 MG	23	STRP	43
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	QVAR REDIHALER	10	RELION TRUE METRIX	
pyridostigmine bromide TABS 60 MG	23	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	57	BLOODGLUCOSE TEST STRIPS	
pyridostigmine bromide TBCR	23	RA PRENATAL TABS	57	STRP	43
pyrimethamine	23	rabeprazole sodium TBEC	64	RENFLEXIS	47
QC PRENATAL TABS	57	raloxifene hcl	45	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	17
QUELBREE	2	ramelteon	50	repaglinide 2 MG	17
QINLOCK	27	ramipril CAPS	20	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM	
QUADRACEL SUSP	63	ranitidine hcl TABS 150 MG	64	SOCT	20
QUADRACEL SUSY	63	ranolazine TB12 1000 MG	8	REPATHA SOSY	20
quazepam	50	ranolazine TB12 500 MG	8	REPATHA SURECLICK SOAJ	20
quetiapine fumarate TABS 150 MG	30	rasagiline mesylate	29	RETACRIT	49
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	30	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	52	RETEVMO	27
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	30	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	52	RETROVIR IV INFUSION SOLN	31
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	30	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 52		REXULTI	31
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	30	REBIF REBIDOSE SOAJ	62	ribavirin (hepatitis c) CAPS	32
QUILLICHEW ER CHER	2	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK		ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG	
QUILLIVANT XR SRER	2	SOAJ	62	RIDAURA	32
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	20	REBIF SOSY	62	rifabutin	23
		REBIF TITRATION PACK SOSY	62	rifampin CAPS	23
		RECOMBIVAX HB SUSP	68	rifampin SOLR	24
				riluzole TABS	58
				rimantadine hydrochloride TABS	32
				ringer's	55
				ringer's irrigation	56

RINVOQ	3	rufinamide TABS 400 MG	13	sertraline hcl TABS 100 MG	14
risedronate sodium TABS 150 MG	45	RUKOBIA	32	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG	
risedronate sodium TABS 35 MG .	45	RUXIENCE	25	14	
risedronate sodium TABS 5 MG, 30		RYBELSUS TABS	16	SERTRALINE HYDROCHLORIDE	
MG	45	salsalate	5	CAPS	14
risedronate sodium TBEC	45	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .	46	sevelamer carbonate PACK	48
risperidone microspheres	29	SANOFI COVID-19		sevelamer carbonate TABS	48
risperidone SOLN	29	VACCINE/ANTIGEN COMPONENT .		SHINGRIX	68
risperidone TABS	29	68		SIGNIFOR	46
risperidone TBDP	29	SANTYL OINT	42	sildenafil citrate (pulmonary	
ritonavir TABS	31	sapropterin dihydrochloride PACK	46	hypertension) SOLN	34
rivastigmine tartrate CAPS	61	sapropterin dihydrochloride TABS	46	sildenafil citrate (pulmonary	
rizatriptan benzoate TABS 10 MG	.53	SAVELLA TABS	61	hypertension) SUSR	34
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..	53	SAVELLA TITRATION PACK MISC		sildenafil citrate	34
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG	.54	61		silodosin	48
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..	54	saxagliptin hcl	16	silver sulfadiazine	40
roflumilast	9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-		SIMPONI ARIA SOLN	3
		2.5 MG	16	SIMULECT	55
romidepsin SOLR	27	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5		simvastatin TABS	20
ropinirole hydrochloride TABS	29	MG, 500 MG-5 MG	16	sirolimus TABS	55
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG,		scopolamine	18		
4 MG, 6 MG	29	SECUADO	30		
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG,		SELECT INSULIN SYRINGES ..	53	SIRTURO	24
12 MG	29	53		SIVEXTRO TABS	22
rosuvastatin calcium TABS	20	SELECT LANCETS		SKYLA	36
ROTARIX SUSP	68	selegiline hcl CAPS	29	SKYRIZI PEN SOAJ	40
ROTARIX SUSR	68	selegiline hcl TABS	29	SKYRIZI PSKT	40
ROTATEQ SOLN	68	selenium sulfide LOTN 2.5 % ..	40	SKYRIZI SOCT	47
ROZLYTREK CAPS	27	SELZENTRY SOLN	32	SKYRIZI SOSY	40
RUBRACA	27	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG		SLYND	37
rufinamide SUSP	13	32		SM PRENATAL VITAMINS TABS	.57
rufinamide TABS 200 MG	13	SEREVENT DISKUS	10	SODIUM ACETATE SOLN (sodium	

acetate)	54	sotalol hcl (afib/afl)	33	STRIVERDI RESPIMAT	10
sodium acetate SOLN	54	sotalol hcl TABS 240 MG	33	SUBLOCADE SOSY	7
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	48	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		SUBSYS LIQD 100 MCG	6
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %		160 MG	33	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,	
.....	37	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE		600 MCG	6
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9		SUSP	68	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200	
% , 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	55	SPIKEVAX COVID-19		MCG, 1600 MCG	6
sodium citrate & citric acid	48	VACCINE/2023-24 SUSP	68	sucralfate SUSP	64
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5		SPIKEVAX COVID-19		sucralfate TABS	64
MG, 1 MG, 2.2 MG	55	VACCINE/2023-24 SUSY	68	sulconazole nitrate CREA	39
sodium phenylbutyrate POWD	46	spinosad	43	sulconazole nitrate SOLN	39
sodium phenylbutyrate TABS	46	SPIRIVA HANDIHALER CAPS		sulfacetamide sodium (acne)	38
sodium polystyrene sulfonate POWD		(tiotropium bromide monohydrate) ..	9	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN ..	
56		SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	58	
sodium polystyrene sulfonate SUSP		spironolactone & hydrochlorothiazide		sulfacetamide sodium w/ sulfur	
OR 15 GM/60ML	56	44	CREA 10 %-5 %	38
sodium sulfate-potassium sulfate-		spironolactone TABS	44	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
magnesium sulfate	50	SPRAVATO 56MG DOSE	14	10 %-5 %	38
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS		SPRAVATO 84MG DOSE	14	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
.....	32	SPRITAM TB3D	13	9 %-4.5 %	38
solifenacin succinate TABS	65	SPRYCEL	27	sulfacetamide sodium-sulfur in urea	
SOLIQUA 100/33	16	stannous fluoride CONC	56	vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	38
SOLOSEC	2	stavudine CAPS	32	sulfadiazine TABS	63
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,		STELARA 130 MG/26ML	47	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	
1000 MG	37	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	40	22
SOLU-CORTEF 250 MG	37	STELARA SOSY 90 MG/ML	40	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	
SOLU-MEDROL 2 GM	37	STENDRA	34	22
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .		STIMATE SOLN NA	46	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	
45		STIOLTO RESPIMAT	10	22
sorafenib tosylate	27	STIVARGA	27	SULFAMYLYON CREA	40
SORBITOL 3 %	48	streptomycin sulfate SOLR	3	sulfasalazine TABS	47
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION		STRIBILD	32	sulfasalazine TBEC	47
.....	48			sulindac TABS	4

sumatriptan	54	TAGRISSO 40 MG	25	terconazole vaginal CREA	68
sumatriptan succinate SOAJ	54	TAGRISSO 80 MG	25	terconazole vaginal SUPP	68
sumatriptan succinate SOCT	54	TAKHZYRO SOLN	49	teriflunomide	62
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	54	TAKHZYRO SOSY	49	TERIPARATIDE SOPN	45
sumatriptan succinate TABS	54	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	27	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7
sumatriptan-naproxen sodium	53	tamoxifen citrate TABS	25	testosterone cypionate SOLN IM	7
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	27	tamoxifen citrate TABS	26	testosterone enanthate SOLN IM	7
SUNOSI 150 MG	2	tamsulosin hcl	48	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	63
SUNOSI 75 MG	2	TASIGNA 150 MG, 200 MG	27	tetrabenazine	61
SYMPAZAN FILM	12	TASIGNA 50 MG	27	tetracycline hcl CAPS	63
SYNAREL	45	tavaborole	39	THALOMID	55
SYNERA PTCH	42	tazarotene CREA	40	theophylline ELIX	11
SYNJARDY TABS	16	TAZVERIK	27	theophylline SOLN	11
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	16	TDVAX SUSP	63	theophylline TB12	11
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	16	TEFLARO	35	theophylline TB24	11
SYNRIBO	28	TEGSEDI	62	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	57
SYNTROID TABS (levothyroxine sodium)	63	telmisartan	20	THIOLA EC TBEC 100 MG	48
TABLOID	24	telmisartan-amlodipine	21	THIOLA EC TBEC 300 MG	48
TABRECTA	27	telmisartan-hydrochlorothiazide	21	thioridazine hcl	30
tacrolimus (topical) OINT	42	temazepam	50	thiotepa 15 MG	24
tacrolimus CAPS	55	TEMODAR SOLR	24	thiothixene	31
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	34	temozolamide CAPS	24	THYMOGLOBULIN	56
tadalafil 5 MG	34	temsirolimus	27	THYROGEN 0.9 MG	43
TAFINLAR CAPS	27	TENIVAC INJ	63	tiagabine hcl	13
tafluprost	59	tenofovir disoproxil fumarate TABS 32	21	TIBSOVO	27
		terazosin hcl	21	tigecycline	63
		terbinafine hcl TABS	18	timolol maleate (ophth) SOLG	58
		terbutaline sulfate SOLN	10	timolol maleate (ophth) SOLN	58
		terbutaline sulfate TABS	10		

timolol maleate TABS	33	toremifene citrate	26	triamcinolone acetonide (mouth)	56
tiopronin TBEC 100 MG	48	torsemide TABS	44	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	58
tiopronin TBEC 300 MG	48	TRACLEER TBSO	34	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	42
tiotropium bromide monohydrate CAPS	9	tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	42
TIVICAY TABS	32	tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	42
tizanidine hcl CAPS	57	tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	42
tizanidine hcl TABS	57	trandolapril 1 MG, 2 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	42
tobramycin (ophth) SOLN	58	trandolapril 4 MG	20	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	42
tobramycin NEBU	3	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42
tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML	3	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.1 %	42
tobramycin-dexamethasone SUSP 59		tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	50	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %	42
TODAY SPONGE MISC	68	tranexamic acid TABS	50	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	42
tolcapone	28	tranylcypromine sulfate	14	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	37
tolmetin sodium CAPS	4	travoprost SOLN	59	triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone	42
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRAZIMERA	25	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	44
TOLSURA CAPS	19	trazodone hcl TABS	15	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	44
tolterodine tartrate CP24	65	TRECATOR	24	triamterene CAPS	44
tolterodine tartrate TABS	65	TRELEGY ELLIPTA	10	triazolam	50
tolvaptan TABS	46	TRELSTAR MIXJECT	26	TRICARE TABS	57
topiramate CP24	13	TREMFYA SOPN	40	trientine hcl 250 MG	55
topiramate CPSP 15 MG	13	TREMFYA SOSY	40	trifluoperazine hcl TABS	30
topiramate CPSP 25 MG	13	treprostинil SOLN IJ	34	trifluridine	59
topiramate CS24	13	tretinoин (chemotherapy)	28	trihexyphenidyl hcl SOLN	28
topiramate TABS 200 MG	13	tretinoин CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	38	trihexyphenidyl hcl TABS	28
topiramate TABS 25 MG, 100 MG	13	tretinoин GEL 0.01 %, 0.025 %	38		
topiramate TABS 50 MG	13	tretinoин microsphere 0.1 %	38		
topotecan hcl SOLN	28	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24		
topotecan hcl SOLR	28				

TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .16	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC52	UDENYCA SOAJ49 UDENYCA SOSY49
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG16	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC52	UPTRAVI TABS 200 MCG34
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG .62	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG35
trimethobenzamide hcl CAPS18		
trimethoprim TABS22	52	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 34
trimipramine maleate CAPS15	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC52	ursodiol CAPS47
TRINTELLIX15	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDED MISC52	ursodiol TABS47
TRIUMEQ TABS32	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .52	UVADEX28
TRIZIVIR32	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC52	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...32
tropicamide SOLN 0.5 %58	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	valacyclovir hcl 500 MG32
tropicamide SOLN 1 %58	52	valganciclovir hcl TABS32
trospium chloride CP2465	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML13
trospium chloride TABS65	52	valproic acid CAPS13
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..43	TRUXIMA25	valrubicin26
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN53	TUKYSA25	valsartan TABS20
TRUETRACK TEST STRP43	TURALIO27	valsartan-hydrochlorothiazide21
TRULICITY16	TUZISTRA XR37	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD ...12
TRUMENBA65	TWINRIX SUSY68	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...12
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC52	TWIRLA36	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...12
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC52	TYBLUME CHEW36	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD12
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC52	TYBOST32	vancomycin hcl CAPS22
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...52	TYMLOS45	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG22
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC52	TYVASO REFILL SOLN IN34	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .22
TRUSTEX	TYVASO SOLN IN34	VAQTA68
	TYVASO STARTER SOLN IN34	varenicline tartrate TABS62
	UBRELVY53	varenicline tartrate TBPK62
	UCERIS (budesonide (intrarectal)) .7	
	UDENYCA ONBODY SOSY49	

VARIVAX INJ	68	VIRACEPT TABS 625 MG	32	DIAPHRAGM KIT 80	52
VARUBI TBPK	18	VIREAD POWD	32	WIDE-SEAL SILICONE	
VAXNEUVANCE	65	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	32	DIAPHRAGM KIT 85	52
VECAMYL	21	VISTOGARD	17	WIDE-SEAL SILICONE	
VECTIBIX 100 MG/5ML	25	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	69	DIAPHRAGM KIT 90	52
VENLAFAXINE BESYLATE ER ..	15	VITATHELY/GINGER TABS	57	WIDE-SEAL SILICONE	
venlafaxine hcl CP24 150 MG	15	VITRAKVI CAPS	27	DIAPHRAGM KIT 95	52
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	15	VITRAKVI SOLN	27	XALKORI CAPS	27
venlafaxine hcl CP24 75 MG	15	VIVITROL	17	XARELTO STARTER PACK TBPK	
venlafaxine hcl TABS	15	VIZIMPRO	25	11	
venlafaxine hcl TB24 150 MG	15	VORAXAZE	28	XARELTO SUSR	11
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	15	voriconazole TABS	19	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	34	VOTRIENT (pazopanib hcl)	27	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	34	VRAYLAR CAPS	29	XCOPRI TABS	13
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ..	34	VRAYLAR CPPK	29	XELJANZ SOLN	3
verapamil hcl TABS	34	VYNDAMAX	35	XELJANZ TABS 10 MG	3
verapamil hcl TBCR	34	VYNDAQEL	35	XELJANZ TABS 5 MG	3
VEREGEN	38	VYVANSE CAPS	1	XELJANZ XR TB24	3
VERSACLOZ SUSP	30	VYVANSE CHEW	1	XELSTRYM	1
VERZENIO	27	warfarin sodium TABS	11	XERAVA	63
VICTOZA	16	water for irrigation, sterile	56	XGEVA SOLN	45
vigabatrin PACK	13	WESTAB PLUS TABS	57	XHANCE EXHU	58
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL SILICONE		XIFAXAN	22
VIIBRYD STARTER PACK KIT	15	DIAPHRAGM KIT 60	52	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	16
vilazodone hcl TABS	15	WIDE-SEAL SILICONE		XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	16
vincristine sulfate	28	DIAPHRAGM KIT 65	52	XOLAIR SOLR	9
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	28	WIDE-SEAL SILICONE		XOLAIR SOSY 150 MG/ML	9
VIRACEPT TABS 250 MG	32	DIAPHRAGM KIT 70	52	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9
		WIDE-SEAL SILICONE		XOSPATA	27

XPOVIO	26	ZIEXTENZO	49
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26		zileuton TB12	9
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26		ZIMHI SOSY	17
XTAMPZA ER	6	ziprasidone hcl	29
XTANDI CAPS	26	ziprasidone mesylate	29
XTANDI TABS 40 MG	26	ZIRABEV	25
XTANDI TABS 80 MG	26	ZIRGAN GEL	59
XULTOPHY 100/3.6	16	ZOLADEX 10.8 MG	26
YERVOY	25	ZOLADEX 3.6 MG	26
YONSA	26	zoledronic acid CONC	45
zafirlukast	9	zoledronic acid SOLN	45
zaleplon 10 MG	50	ZOLINZA	28
zaleplon 5 MG	50	zolmitriptan SOLN	54
ZALTRAP 100 MG/4ML	25	zolmitriptan TABS	54
ZANOSAR	24	zolmitriptan TBDP	54
ZARXIO	49	zolpidem tartrate SUBL	50
ZEJULA CAPS	27	zolpidem tartrate TABS	50
ZELBORAF	27	zolpidem tartrate TBCR	50
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	44	ZOLPIMIST SOLN	50
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	44	ZONISADE SUSP	13
zidovudine CAPS	32	zonisamide CAPS	13
zidovudine SYRP	32	ZONTIVITY	49
zidovudine TABS	32	ZORBTIVE SC	45
		ZTALMY	13
		ZUBSOLV SUBL	7
		ZULRESSO	14
		ZYDELIG	28
		ZYPREXA RELPREVV	30

AMB22-NM-C-00074

Ambetter from Western Sky Community Care is underwritten by Western Sky Community Care, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the New Mexico Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance. © 2023 Western Sky Community Care, Inc. All rights reserved.